

Số: 1012/QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo
các ngành trình độ Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ vào Quyết định số 34/CP ngày 24/01/1979 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ vào Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y Thái Bình thành trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định 424/QĐ-YDTB ngày 20/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Căn cứ Quyết định 1001/QĐ-YDTB ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Thái Bình về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế Đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo các ngành trình độ Đại học hệ chính quy.

(Có đề cương chi tiết kèm theo)

Điều 2. - Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Đề cương chi tiết tại Điều 1 được áp dụng với khóa tuyển sinh từ năm 2021.

Điều 3. Trường phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÁI BÌNH
PGS.TS Nguyễn Duy Cường

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-YDTB ngày 28/7/2021)

(QUYỂN 2)

THÁI BÌNH, NĂM 2021

MỤC LỤC

Giải phẫu người	2
Hóa sinh	16
Vì Sinh	39
Sinh lý học	47
Sinh lý bệnh-Miễn dịch	60
Dược lý học.....	72
Ký sinh trùng	89
Điều dưỡng cơ bản	102
Chẩn đoán hình ảnh	115
Kỹ năng Tiền lâm sàng	127
Mô Phôi.....	138
Giải phẫu bệnh.....	152

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BỘ MÔN/KHOA: GIẢI PHẪU HỌC

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: Giải phẫu I, II

Tên tiếng Việt: Giải phẫu người

Tên tiếng Anh: Human Anatomy

Mã học phần: 3120ANATOM1T, 3120ANATOM2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng: Sinh viên hệ đại học	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: 46 Thảo luận : 0 Số giờ tự học: 0 Số tiết Thực hành: 60 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 0	5 tín (3LT,2TH) 46 0 104 60 0 40
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	2/2 2 2

Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Sinh lý học
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Giải phẫu học

2. Mô tả chung về học phần:

Môn giải phẫu là môn học bắt buộc trong khối các môn học cơ sở ngành của chương trình đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng trình độ đại học.

2.1. Lý thuyết : Cung cấp kiến thức về đặc điểm giải phẫu các cấu trúc, hệ cơ quan trong cơ thể người bình thường, những liên hệ về chức năng và áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành y học dự phòng.

2.2. Thực hành : Xác định được các mốc giải phẫu áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành dự phòng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm Học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Duy Tùng	Tiến Sĩ	0918058488	tunganatomy@gmail.com	Phụ trách
2.	Đình Sỹ Mạnh	Thạc Sĩ	0936552283	drmanhminhchau@gmail.com	Tham gia
3.	Lê Minh Tiến	Thạc Sĩ	0917260555	Bt.tien.gph@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Trung Nghĩa	Thạc Sĩ	0986235563	nghiagph@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Thơ	Thạc Sĩ	03899984469	Nguyenthitho.ytb@gmail.com	Tham gia
6.	Trần Thị Hằng	Thạc Sĩ	0846388566	hangytb89@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Kiến thức: <i>1. Phân tích mối tương quan giữa các cấu trúc trong một vùng, một hệ cơ quan của cơ thể</i>	PEO 1
	<i>2. Vận dụng những kiến thức giải phẫu vào việc học tập các môn học của ngành y học dự phòng</i>	PEO 2

	Kỹ năng: 3. Xác định được những cấu trúc, cơ quan, trên mô hình, hình ảnh học, trên cơ thể và trên tiêu bản.	
--	--	--

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được kiến thức về hình thể, liên quan của các cấu trúc giải phẫu trong một hệ cơ quan vào thực hành chuyên môn y học dự phòng	H: PLO 1, 2
2.	Xác định được các mốc giải phẫu của các cấu trúc, qua đó lập được kế hoạch tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động y học dự phòng	S: PLO 3,4 H: PLO 1

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	TÊN BÀI	Số tiết	Mục tiêu	CĐR
HỌC PHẦN I				
1	BÀI 1. NHẬP MÔN, ĐẠI CƯƠNG - HỆ XƯƠNG KHỚP 1. Nhập môn... 2. Đại cương hệ cơ quan... 3. Phân loại và mô tả các xương... 4. Cấu tạo các xương... 5. Phân loại khớp... 6. Cấu tạo khớp hoạt dịch...	2	1,2	1
2	BÀI 2. CƠ CHI TRÊN 1. Phương thức bám các nhóm cơ...	2	1,2	1

	2. Động tác và thần kinh chi phối... 3. Các khoang cơ và ứng dụng...			
3	BÀI 3. MẠCH MÁU CHI TRÊN 1. Nguyên ủy... 2. Đường đi và phân nhánh... 3. Các vòng nối và ý nghĩa... 4. Vị trí thăm khám	2	1,2	1
4	BÀI 4. THẦN KINH CHI TRÊN 1. Đám rối cánh tay... 2. Các dây thần kinh... 3. Các tổn thương thần kinh chi trên...	2	1,2	1
5	BÀI 5. CƠ CHI DƯỚI 1. Phương thức bám các nhóm cơ... 2. Động tác và thần kinh chi phối... 3. Các khoang cơ và ứng dụng...	2	1,2	1
6	BÀI 6. MẠCH MÁU CHI DƯỚI 1. Nguyên ủy... 2. Đường đi và phân nhánh... 3. Các vòng nối và ý nghĩa... 4. Vị trí thăm khám	2	1,2	1
7	BÀI 7. THẦN KINH CHI DƯỚI 1. Đám rối thắt lưng cùng... 2. Các dây thần kinh... 3. Các tổn thương thần kinh chi dưới...	2	1,2	1
8	BÀI 8. CƠ MẠC ĐẦU MẶT CỔ 1. Phương thức bám các cơ... 2. Khoang cơ mạc vùng đầu mặt cổ...	2	1,2	1
9	BÀI 9. BA ĐỘNG MẠCH CẢNH 1. Nguyên ủy, đường đi, liên quan... 2. Nhánh bên và vòng nối... 3. Ứng dụng trong thăm khám ...	2	1,2	1

10	BÀI 10. ĐỘNG MẠCH DƯỚI ĐÒN, TĨNH MẠCH ĐẦU MẶT, ĐÁM RỐI CỔ - Cấu tạo và phân nhánh đám rối cổ... - Nguyên ủy, đường đi, nhánh bên của động mạch dưới đòn... - Vòng nối động mạch dưới đòn... - Tĩnh mạch vùng đầu mặt ...	2	1,2	1
11	BÀI 11. MIỆNG – MŨI -HÀU- THANH QUẢN, KHÍ QUẢN, TUYẾN GIÁP 1. Hình thể và cấu tạo ... 2. Mạch và thần kinh chi phối ... 3. Vị trí, liên quan ...	2	1,2	1
12	BÀI 12. TAI – MẮT - Vị trí, hình thể và cấu tạo ... - Giới hạn, cấu tạo và liên quan của tai và mắt...	2	1,2	1
13	BÀI 13. THÀNH NGỰC, THÀNH BỤNG, TIM, PHỔI, TRUNG THẤT - Phương thức bám các cơ vùng ngực, bụng... - Giới hạn và phân chia trung thất... - Vị trí, hình thể và liên quan của tim... - Mạch và thần kinh vùng ngực ...	2	1,2	1
14	BÀI 14. Ổ BỤNG, PHỨC MẠC, DẠ DÀY, LÁCH - Cấu tạo, phân chia phúc mạc... - Vị trí, hình thể và mạch thần kinh của dạ dày	2	1,2	1
15	BÀI 15. GAN CUỐNG GAN, TÁ TRÀNG, TỤY, RUỘT. - Vị trí, hình thể của các cấu trúc... - Liên quan của các cấu trúc... - Mạch máu và thần kinh ...	2	1,2	1
KIỂM TRA HỌC PHẦN I				
HỌC PHẦN II				

16	BÀI 16. HỆ TIẾT NIỆU - Vị trí, hình thể và cấu tạo ... - Liên quan và ứng dụng lâm sàng... - Mạch máu, thần kinh và ứng dụng...	2	1,2	1
17	BÀI 17. HỆ SINH DỤC - Vị trí, hình thể và cấu tạo các cấu trúc hệ sinh dục ... - Liên quan và ứng dụng lâm sàng... - Mạch máu, thần kinh và ứng dụng...	2	1,2	1
18	BÀI 18. ĐẠI CƯƠNG HỆ THẦN KINH – TỦY SỐNG - Phân chia hệ thần kinh... - Tế bào thần kinh... - Vị trí, hình thể và liên quan của tủy...	2	1,2	1
19	BÀI 19. THÂN NÃO - TIỂU NÃO – NÃO THẤT IV - Vị trí, hình thể của thân não - Cấu tạo và liên quan của thân não - Vị trí, hình thể của tiểu não và não thất IV	2	1,2	1
20	BÀI 20. ĐOAN NÃO – GIAN NÃO – NÃO THẤT III- NÃO THẤT BÊN - Vị trí, hình thể của đoạn não, gian não và các não thất... - Phân khu vỏ não...	2	1,2	1
21	BÀI 21. ĐƯỜNG DẪN TRUYỀN THẦN KINH - Đường dẫn truyền cảm giác... - Đường dẫn truyền vận động...	2	1,2	1
22	BÀI 22. MÀNG MẠCH NÃO TỦY – THẦN KINH THỰC VẬT	2	1,2	1

	- Định khu hệ thần kinh... - Vị trí các hạch, các sợi... - Mạch máu của não và màng não... - Lưu thông dịch não tủy...			
23	BÀI 23. CÁC DÂY THẦN KINH SỢ - Nguyên ủy, đường đi các dây thần kinh sợ ... - Liên quan và chi phối các dây sợ...	2	1,2	1
KIỂM TRA HỌC PHẦN II				

2. Thực hành

STT	TÊN BÀI	Số tiết	Mục tiêu	CDR
1	BÀI 1. XƯƠNG KHỚP CHI TRÊN- CHI DƯỚI- ĐẦU MẶT 1. Các mốc trên mô hình xương chi trên 2. Các mốc trên mô hình xương chi dưới 3. Các mốc trên mô hình xương đầu mặt, thân mình	4	1,3	2
2	BÀI 2. CƠ - MẠCH – THẦN KINH CHI TRÊN 1. Xác định vị trí các cơ vùng chi trên ở mô hình và ứng dụng 2. Xác định vị trí, đường đi và liên quan của mạch, thần kinh chi trên	4	1,3	2
3	BÀI 3. CƠ - MẠCH – THẦN KINH CHI DƯỚI CHI DƯỚI 1. Xác định vị trí các cơ vùng chi dưới ở mô hình và ứng dụng 2. Xác định vị trí, đường đi và liên quan của mạch, thần kinh chi dưới	4	1,3	2
4	BÀI 4. CƠ - MẠCH – THẦN KINH ĐẦU	4	1,3	2

	MẶT CỔ 1. Xác định vị trí các cơ vùng đầu mặt cổ ở mô hình và ứng dụng 2. Xác định vị trí, đường đi và liên quan của mạch, thần kinh đầu mặt cổ trên mô hình			
5	BÀI 5. MIỆNG, MŨI, HẦU, THANH QUẢN, KHÍ QUẢN, TAI, MẮT 1. Xác định các vị trí và hình thể của các cấu trúc ... 2. Xác định liên quan của các cấu trúc ...	4	1,3	2
6	BÀI 6. XƯƠNG THÂN MÌNH, THÀNH NGỰC, THÀNH BỤNG, TIM, PHỔI 1. Xác định các mốc giải phẫu trên xương thân mình, thành ngực, thành bụng... 2. Xác định cơ, mạch máu, thần kinh thành ngực, thành bụng... 3. Xác định vị trí, liên quan của tim, phổi ...	4	1,3	2
7	BÀI 7. HỆ TIÊU HÓA - Xác định giới hạn và kích thước các đoạn ống tiêu hóa... - Xác định vị trí đối chiếu của các tuyến tiêu hóa...	4	1,3	2
BÀI 8. KIỂM TRA THỰC HÀNH 1.(THI CHẠY TRẠM)				
9	BÀI 9. KHUNG CHẬU- ĐÁY CHẬU - Xác định giới hạn kích thước khung chậu - Xác định vị trí, liên quan của đáy chậu trên mô hình	4	1,3	2
10	BÀI 10. HỆ TIẾT NIỆU - Xác định các cấu trúc của hệ tiết niệu	4	1,3	2
11	BÀI 11. HỆ SINH DỤC - Xác định các cấu trúc của hệ sinh dục nam, nữ	4	1,3	2

12	BÀI 12. TỦY SỐNG, THÂN NÃO, TIỂU NÃO, NÃO THẤT IV - Xác định vị trí, đối chiếu của tủy sống trên mô hình, hình ảnh - Xác định hình thể, giới hạn thân não, tiểu não và não thất IV	4	1,3	2
13	BÀI 13. GIAN NÃO, ĐOAN NÃO, NÃO THẤT III, BÊN - Xác định các cấu trúc của gian não, đoạn não - Xác định các thành của não thất III và não thất bên	4	1,3	2
14	BÀI 14. MẠCH MÀNG NÃO TỦY, THẦN KINH TỰ CHỦ - Xác định các màng não tủy - Xác định trung khu thần kinh tự chủ	4	1,3	2
15	BÀI 15. ĐƯỜNG DẪN TRUYỀN THẦN KINH, CÁC DÂY THẦN KINH SỢ. - Xác định các chặng neuron của đường cảm giác và đường vận động... - Xác định các dây thần kinh sọ	4	1,3	2
16	KIỂM TRA THỰC HÀNH 2.(THI CHẠY TRẠM)			

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa
- Thảo luận nhóm
- Viết chuyên đề

2. Thực hành:

- Hướng dẫn trên mô hình, tiêu bản và trên hình ảnh học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu phát tay

- Máy chiếu projector, các tình huống lâm sàng

Số bài kiểm tra giữa học phần: 02

2. Thực hành:

- Mô hình

- Tranh giải phẫu

- Tiêu bản

- Phần mềm giải phẫu

Số bài kiểm tra giữa học phần: 02

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Thi trắc nghiệm khác quan với câu hỏi nhiều lựa chọn

2. Thực hành: thi theo hình thức chạy trạm

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	2 bài (10 phút)	Test	Kiến thức, thái độ	1	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0.1	2 bài 50 phút	Câu hỏi ngắn	Kiến thức	1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0.2	2 bài 15 phút	OSPE	Kiến thức Kỹ năng	1,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0.6	2 bài 60 phút	MCQ ngắn	Kiến thức Kỹ năng	1,2,3	10

Công thức tính điểm:

Điểm cuối kỳ = (ĐCCx0.1+ĐGHPx0.1+ĐKTHPx0.6)/10

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0đ
Nghỉ học có phép	0.25đ / 01 tiết

Nghỉ học không phép	0.5đ / 01 tiết
Đi muộn	15 phút 0.5đ / 01 tiết

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Hoàng Văn Cúc, Nguyễn Văn Huy (2006) Giải phẫu người, Nhà xuất bản Y học, Hà nội

2. Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Minh (2010). Giải phẫu người tập I, II, III. Nhà xuất bản GDVN.

2. Nguyễn Quang Quyền (2013). Bài giảng Giải phẫu học tập 1, 2. Nhà xuất bản y học, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

3. Franck H. Netter (2019). *Atlas giải phẫu người*.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

	STT	TÊN BÀI GIẢNG LÝ THUYẾT	SỐ TIẾT	CB giảng	PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY
LT 1	1	Nhập môn, đại cương - hệ xương khớp	2	TS. Tùng	Thuyết trình + clicker
	2	Cơ vùng cổ tay, bàn tay	2	TS. Tùng	Thuyết trình + clicker
TH1	3	Xương khớp chi trên- chi dưới- đầu mặt	4	TS. Tùng	Thảo luận/bảng kiểm
LT 2	4	Mạch máu chi trên	2	TS. Tùng	Thuyết trình + clicker
	5	Thần kinh chi trên	2	TS. Tùng	Thuyết trình + clicker
TH2	6	Cơ chi trên	4	Th.S Hằng	Thảo luận/bảng kiểm
TH3	7	Mạch – thần kinh chi trên	4	Th.S Hằng	Thảo luận/bảng kiểm
LT3	8	Cơ vùng chi dưới	2	ThS. Nghĩa	Thuyết trình + clicker
	9	Mạch máu chi dưới	2	Th.S. Thơ	Thuyết trình + clicker
LT 4	10	Thần kinh vùng chi dưới	2	Th.S. Thơ	Thuyết trình + clicker

	11	Cơ mạc vùng đầu mặt cổ	2	Th.S.Tiến	Thuyết trình + Case 1
TH4	12	Cơ chi dưới	2	ThS. Nghĩa	Thảo luận/bảng kiểm
TH5	13	Mạch – thần kinh chi dưới	4	Th.S Hằng	Thảo luận/bảng kiểm
LT5	14	Ba động mạch cảnh	2	Th.S Hằng	Thuyết trình + clicker
	15	Đám rối thần kinh cổ, động mạch dưới đòn và tĩnh mạch đầu mặt cổ	2	Th.S Hằng	Thuyết trình + clicker
TH6	16	Cơ - mạch – thần kinh đầu mặt cổ		Ths. Nghĩa	Thảo luận/bảng kiểm
Thi giữa kỳ					
LT6	17	Ổ miệng và các thành phần trong miệng	2	Th.S.Tiến	Thuyết trình + clicker
	18	Mũi – hầu	2	Th.S.Tiến	Thuyết trình + clicker
LT7	19	Thanh quản – khí quản – tuyến giáp	2	Ths. Mạnh	Thuyết trình + clicker
	20	Cơ quan thị giác	2	Ths. Mạnh	Thuyết trình + clicker
TH7	14	Miệng, mũi, hầu, thanh quản, khí quản, tai, mắt	4	Ths. Mạnh	Thảo luận/bảng kiểm
TH8. Lượng giá thực hành 1					
Lượng giá kết thúc học phần I					
LT8	21	Giải phẫu thành ngực, thành bụng, đáy chậu	2	Th.S.Tiến	Thuyết trình + Case 2
	22	Đại cương tuần hoàn - tim - trung thất	2	Th.S.Tiến	Thuyết trình + Case 2
TH9	23	Xương thân mình- thành	2	Ths. Tiến	Thảo luận/bảng kiểm

		ngực- thành bụng- đáy chậu			
LT9	24	Phổi – màng phổi	2	Ths. Mạnh	Thuyết trình + clicker
	25	Ổ bụng – phúc mạc – dạ dày – tỳ	2	Ths. Mạnh	Thuyết trình + clicker
TH10	26	Phổi - các thành phần trong trung thất - tim- các mạch máu lớn	4	Ths.Hằng	Thảo luận/bảng kiểm
LT10	27	Tá tràng- tụy – gan – cuống gan	2	Ths.Hằng	Thuyết trình + clicker
	28	Ruột non, ruột già	2	Ths.Hằng	Thuyết trình + clicker
TH11	29	Phúc mạc- dạ dày- tỳ- mạch máu lớn trong ổ bụng- gan- ruột	4	Ths.Hằng	Thảo luận/bảng kiểm
LT11	30	Hệ tiết niệu	2	Ths. Mạnh	Thuyết trình + clicker
	31	Hệ sinh dục	2	Ths. Mạnh	Thuyết trình + clicker
Lượng giá giữa kỳ 2					
TH12	32	Hệ tiết niệu - hệ sinh dục	4	TS. Tùng	Thảo luận/bảng kiểm
LT12	33	Đại cương thần kinh – tủy sống	2	TS. Tùng	Thuyết trình + clicker
	34	Thân não - tiểu não – não thất iv	2	TS. Tùng	Thuyết trình + Case
TH13	35	Tủy sống, thân não, tiểu não, não thất iv	4	Ths. Mạnh	Thảo luận/bảng kiểm
LT13	36	Đoan não – gian não – não thất III - não thất bên	2	Ths.Hằng	Thuyết trình + clicker
	37	Đường dẫn truyền thần kinh	2	Ths.Hằng	Thuyết trình + Case

LT14	38	màng mạch não tủy – thần kinh thực vật	2	TS. Tùng	Thuyết trình + clicker
	39	các dây thần kinh sọ I, II, III, IV, V, VI	2	TS. Tùng	Thuyết trình + Case
LT15	40	các dây thần kinh sọ VII, VIII, IX, X, XI, XII	2	Ths. Mạnh	Thuyết trình + Case
TH14	41	Gian não, đoạn não, não thất III, bên	4	ThS. Thơ	Thảo luận/bảng kiểm
TH15	42	Đường dẫn truyền thần kinh, mạch màng não tủy, thần kinh tự chủ, các dây thần kinh sọ.	4	Th.S.Tiến	Thảo luận/bảng kiểm
TH16. Lượng giá thực hành 2					
Lượng giá kết thúc học phần II					

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: đọc các tài liệu trên elearning, phần hướng dẫn tự học, tham gia trên 80% số giờ học trên lớp, vắng phải có lý do. Nếu vắng trên 20% có lý do phải học bù trước khi duyệt thi.
- Làm đầy đủ bài tập pretest và bài tập thực hành
- Tham gia đầy đủ các bài thực hành, vắng phải có phép và học bù trước khi duyệt thi (SV vắng quá 2 buổi thực hành dù có lý do cũng không được dự thi lần 1)

2. Quy định điều kiện dự thi:

- SV có điểm thực hành $\geq 4đ$ (thang điểm 10) và Đạt điểm thi giữa học phần mới được dự thi kết thúc học phần, nếu không phải thi lại đủ điều kiện mới duyệt thi lần 2
- SV chưa đạt thực hành sẽ phải thi thực hành lần 2 trước khi thi kết thúc học phần

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	2019	TS. Vũ Duy Tùng
2.	Lần 2	2021	TS. Vũ Duy Tùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: HÓA SINH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Hóa sinh

Tên tiếng Anh: Biochemistry

Mã học phần: 3120BIOCHM0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	3 30 tiết 08 tiết 62 tiết 32 tiết 08 tiết 10 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	01 bài 01 bài

Học phần học trước:	Hóa học
Học phần tiên quyết:	Hóa học
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Hóa sinh

2. Mô tả chung về học phần:

Hóa sinh là môn học nghiên cứu về thành phần hóa học của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng trong cơ thể.

Nội dung giảng dạy của môn học hóa sinh được chia thành 3 phần: cấu tạo, chuyển hóa chất và hóa sinh cơ quan.

Phần một: Giới thiệu về cấu tạo, tính chất, vai trò, nguồn gốc của các hợp chất hữu cơ cơ bản cấu tạo nên cơ thể sống đó là glucid, lipid, protein và một số phân tử đặc biệt như haemoglobin, hormone, enzyme

Phần hai: Trình bày về đại cương chuyển hóa và sự oxy hóa khử sinh học, trên cơ sở đó giới thiệu về chuyển hóa của các chất glucid, lipid, protein, hemoglobin,

Phần ba: Trình bày về các hoạt động hóa sinh của các cơ quan chủ yếu trong cơ thể như gan, thận, thẳng bằng acid – base, trao đổi nước và các chất vô cơ.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Bùi Thị Minh Phượng	Tiến sĩ	0987585968	minhphuongytb@gmail.com	Trưởng BM
2.	Nguyễn Thị Minh Thái	Thạc sĩ	0915451059	Thaish6275@gmail.com	Tham gia
3.	Trần Thị Thi	Thạc sĩ	0978872874	nbaothi98@gmail.com	Tham gia
4.	Hà Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	0984270690	Dr.hahien2912@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Phượng	KTV	0834733579	Phuongnguyenydtb579@gmail.com	Tham gia

6.	Nghiêm Thị Dịu	KTV	0984920798	Nghiemthiduu84@gmail .com	Tham gia
----	-------------------	-----	------------	------------------------------	----------

3. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được cấu tạo, tính chất lý hóa, vai trò, nguồn gốc và chuyển hóa của các hợp chất hữu cơ tham gia cấu tạo cơ thể	PEO 1,2
2.	Trình bày được chức năng hóa sinh của gan, thận và vai trò của các xét nghiệm trong chẩn đoán các bệnh của các cơ quan đó và một số bệnh lý liên quan.	PEO 1,2
3.	Trình bày được các nguyên tắc cơ bản về định lượng và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh thông thường	PEO 1,2
4.	Làm được các phản ứng chứng minh tính chất hóa học của một số hợp chất hữu cơ trong cơ thể.	PEO 1,2,3.
5.	Làm được một số xét nghiệm Hóa sinh thông thường Biện luận được kết quả thu được	PEO 1,2,3
6.	Nhận thức được vị trí, mối liên hệ của môn Hóa Sinh với các môn học khác trong tổng thể các môn học của sinh viên đại học điều dưỡng.	PEO 3,4.
7.	Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức môn Hóa sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu y học.	PEO 1,3,4
8.	Có thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, gọn gàng, ngăn nắp trong quá trình thực hiện các phản ứng Hóa sinh.	PEO 4,5.
9.	Ý thức được niềm say mê trong học tập, tự tin trong vận dụng những hiểu biết về Hóa sinh để chăm sóc, theo dõi bệnh.	PEO 5.

10.	Có khả năng phối hợp với các chuyên ngành liên quan trong hoạt động nghề nghiệp.	PEO 4,5.
-----	--	----------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được kiến thức cấu tạo hóa học, chuyển hóa của các chất hữu cơ trong cơ thể sống để thực hành chuyên môn.	H: PLO 1, 2,3,4
2.	Lập thực đơn, kế hoạch phù hợp chăm sóc với từng người bệnh	S: PLO 2,3,5.
3.	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng. Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh địa phương.	S: PLO 4,8,9,10.
4.	Trung thực, khách quan, khiêm tốn có tinh thần học tập vươn lên. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động.	S: PLO 12,13,14.
5.	Tôn trọng, chân thành, hợp tác với đồng nghiệp. Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.	S: PLO 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học	CĐR
-----	---------	---------	--------------	-----

			tập	HP
1	Bài 1: Hóa học glucid 1. Monosaccarid: 1.1. Phân loại và danh pháp của monosaccarid 1.2. Cấu tạo vòng của Monosaccarid 1.3. Tính chất và các dẫn xuất của Monosaccarid 1.3.1. Tính khử 1.3.2. Tạo Glycosid 1.3.3. Sự chuyển dạng lẫn nhau của Monosaccarid 1.3.4. Dẫn xuất este 2. Disaccarid: 2.1. Saccarose 2.2. Lactose 2.3. Maltose 3. Polysaccarid: 3.1. Polysaccarid thuần: 3.1.1. Tinh bột 3.1.2. Glycogen 3.1.3. Cellulose 3.2. Polysaccarid tạp: 3.2.1. Chitin 3.2.2. Glycosaminoglycan	02	1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, cấu tạo và tính chất của glucid. 2. Trình bày được cấu tạo, tính chất, nguồn gốc của 3 disaccarid thường gặp. 3. Trình bày được cấu tạo, tính chất, nguồn gốc của các loại polysaccarid thuần và một số polysaccarid tạp.	1,2
2	Bài 2: HÓA HỌC LIPID 1. Thành phần cấu tạo của Lipid 1.1. Acid béo: 1.1.1. Acid béo bão hòa 1.1.2. Acid béo không bão hòa 1.1.3. Acid béo đặc biệt: - Acid béo mang chức alcol - Acid béo có vòng - Acid béo có mạch nhánh	02	1. Trình bày được định nghĩa, tính chất, phân loại lipid. 2. Trình bày được cấu tạo các loại acid béo, alcol.	1,2

	2. Lipid thuần: 2.1. Glycerid 2.2. Cerid 2.3. Sterid 3. Lipid tạp 3.1. Glycerophospholipid 3.2. Sphingolipid 3.2.1. Sphingomyelin		3. Trình bày được cấu tạo, tính chất, nguồn gốc các loại lipid	
3	Bài 3: HÓA HỌC ACID AMIN VÀ PROTEIN 1. Acid amin 1.1. Cấu tạo acid amin 1.2. Phân loại acid amin 1.3. Tính chất của acid amin 1.4. Một số ứng dụng của tính chất acid amin tron phân tích và dinh lượng 2. Protein: 2.1. Phân loại Protein 2.2. Các liên kết và các bậc cấu trúc trong phân tử protein 2.3. Tính chất lý hóa của Protein và ứng dụng	02	1. Trình bày được định nghĩa, cấu tạo, phân loại, tính chất của các acid amin anpha. 2. Trình bày được cấu tạo, các bậc cấu trúc và chất của protein. 3. Trình bày được ứng dụng một số tính chất của acid amin và protein trong định lượng acid amin, protein toàn phần	1,2

4	Bài 4: HÓA HỌC HEMOGLOBIN 1. Cấu trúc: 1.1. Globin: 1.2. Hem 1.3. 2,3 DPG 2. Tính chất của Hemoglobin 2.1. Tính chất kết hợp khí 2.2. Tính oxy hóa 2.3. Tính chất enzym 2.4. Tính chất đậm: 3. Một số Hemoglobin thường gặp ở người 3.1. Hemoglobin bình thường 3.2. Hemoglobin bệnh lý	02	1. Trình bày được cấu tạo và cấu trúc của hemoglobin. 2. Trình bày được 04 tính chất của hemoglobin, giải thích và nêu được ứng dụng của các tính chất đó.	1,2
5	Bài 5: ENZYM 1. Cách gọi tên và phân loại enzym 1.1 Cách gọi tên 1.2. Phân loại enzym 2. Cấu trúc phân tử enzym 2.1. Thành phần cấu tạo của enzym 2.2. Trung tâm hoạt động của enzym 3. Giới thiệu 1 số CoEnzym thường gặp 3.1. Các Coenzym oxy hóa khử: 3.2. Coenzym vận chuyển nhóm: 4. Cơ chế xúc tác của enzym 4.1. Năng lượng hoạt hóa 4.2. Cơ chế tác dụng của enzym 5. Động học enzym 5.1. Tốc độ phản ứng của enzym 5.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng của enzym	02	1. Trình bày được đặc điểm, phân loại, cấu trúc và cơ chế hoạt động của enzym. 2. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng của enzym. 3. Trình bày được cấu tạo, cơ chế hoạt động của một	1,2

			số Coenzym thường gặp. 4. Trình bày được một số dạng phân tử enzyme	
6	Bài 6: NĂNG LƯỢNG SINH HỌC VÀ HÔ HẤP TẾ BÀO 1. Khái quát sự thoái hóa các chất hữu cơ trong cơ thể 2. Hô hấp tế bào: 2.1. Bản chất của hô hấp tế bào 2.2. Cơ chế tạo ATP ở ty thể 2.3. Các chất ức chế chuỗi hô hấp tế bào 3. Sự phosphoryl oxy hóa 3.1. Sự phosphoryl hóa 3.2. Các liên kết giàu năng lượng 3.3. Sự phosphoryl - Oxy hóa 4. Chu trình acid Citric 4.1. Khái quát và sơ đồ chu trình acid Citric 4.2. Các phản ứng của chu trình acid Citric 4.3. Kết quả, đặc điểm và ý nghĩa của chu trình 4.4. Điều hòa chu trình acid Citric	02	1. Trình bày được sự trao đổi năng lượng và các hợp chất giàu năng lượng. 2. Trình bày được thành phần, các giai đoạn của chuỗi hô hấp tế bào và các chất ức chế chuỗi hô hấp tế bào. 3. Trình bày được các chất phá ghép của quá trình phosphoryl – oxy hóa. 4. Trình bày được đặc điểm, số ATP	1,2

			được tổng hợp và ý nghĩa của chu trình Krebs.	
7	Bài 7: CHUYỂN HÓA GLUCID 1. Thoái hóa Glucid 1.1. Thoái hóa Glycogen 1.2. Thoái hóa Glucose 2. Tổng hợp Glucid 2.1. Tổng hợp Glucose 2.2. Tổng hợp Glycogen 2.3. Tổng hợp Lactose 3. Chuyển hóa các Monosaccarid khác 4. Điều hòa và rối loạn chuyển hóa Glucid 4.1. Hệ thống điều hòa 4.2. Rối loạn chuyển hóa Glucid	02	1. Vẽ và trình bày được các sơ đồ của các con đường chuyển hóa glucid trong cơ thể. 2. Giải thích được cơ chế phản ứng và ý nghĩa của các quá trình chuyển hóa glucid. 3. Giải thích được các cơ chế điều hòa liên quan đến rối loạn chuyển hóa glucid đặc biệt là trong bệnh đái tháo đường.	1,2,3
8	Bài 8: CHUYỂN HÓA LIPID	02	1. Trình bày	

	1. Chuyển hóa acid béo: 1.1. Thoái hóa acid béo bão hòa số C chẵn 1.2. Tổng hợp acid béo 2. Chuyển hóa Cholesterol 2.1. thoái hóa Cholesterol 2.2. Tổng hợp Cholesterol 3. Chuyển hóa Triglycerid 3.1. Thoái hóa 3.2. Tổng hợp 4. Các loại lipoprotein: 4.1. Đặc điểm cấu trúc 4.2. phân loại 4.3. Vai trò		được quá trình chuyển hóa của acid béo 2. Trình bày được quá trình chuyển hóa triglyceride 3. Trình bày được quá trình chuyển hóa cholesterol.	1,2,3
9	Bài 9: CHUYỂN HÓA ACID AMIN 1. Thủy phân Protein 1.1. Tiêu hóa Protein 1.2. Thủy phân Protein nội sinh 2. Chuyển hóa acid amin 2.1. Sự thoái hóa acid amin: 2.2. Tổng hợp các acid amin:	02	1. Trình bày được quá trình thủy phân và hấp thu protein ở đường tiêu hóa. 2. Trình bày được quá trình thoái hóa các acid amin và quá trình biến đổi tiếp của các sản phẩm thoái hóa.	1,2,3

			3. Trình bày được quá trình tổng hợp các acid amin trong cơ thể.	
10	Bài 10: CHUYỂN HÓA HEMOGLOBIN 1. Thoái hóa Hemoglobin và rối loạn thoái hóa Hemoglobin: 1.1. Sự thoái hóa Hemoglobin 1.2. Rối loạn quá trình thoái hóa Hemoglobin 2. Sự tổng hợp Hemoglobin 2.1. Sự tổng hợp Hem 2.2. Sai sót trong tổng hợp Globin	02	1.Trình bày được quá trình thoái hóa hemoglobin và các trường hợp rối loạn quá trình này. 2. Trình bày được quá trình tổng hợp hemoglobin và một số sai sót trong quá trình tổng hợp này.	1,2,3
11	Bài 11: HÓA SINH MÁU 1. Tính chất lý hóa của máu: 2. Thành phần hóa học của máu: 2.1. Các chất hữu cơ 2.2. Các chất vô cơ	02	Trình bày được nguồn gốc, giá trị bình thường, sự thay đổi và	1,2,3

			ý nghĩa trong bệnh lý của các thành phần hóa học trong máu.	
12	Bài 12: HÓA SINH GAN 1. Thành phần hóa học nhu mô gan: 2. Chức năng chuyển hóa Glucid, Lipid và Protein của gan 2.1. Chức năng chuyển hóa Glucid 2.2. Chức năng chuyển hóa Lipid 2.3. Chức năng chuyển hóa Protein 3. Chức năng tạo mật: 3.1. Thành phần hóa học của mật 3.2. Tác dụng của mật 4. Chức năng khử độc: 4.1. Khử độc theo hình thức cố định và thải trừ 4.2. Khử độc theo cơ chế hóa học 5. Một số xét nghiệm hóa sinh chẩn đoán bệnh gan - mật 5.1. Các xét nghiệm đánh giá tổn thương hủy hoại tế bào gan 5.2. Các xét nghiệm đánh giá tình trạng ứ mật 5.3. Các xét nghiệm đánh giá tình trạng suy tế bào gan	02	1. Trình bày được vai trò của gan trong chuyển hóa các chất và các nghiệm pháp thăm dò chức năng này của gan. 2. Trình bày được vai trò của gan trong chức phận khử độc và các nghiệm pháp thăm dò chức năng này của gan. 3. Trình bày được vai trò của gan với quá trình tạo mật 4. Trình bày được các xét	1,2,3

			nghiệm trong chẩn đoán bệnh gan – mật	
	Bài 13: HÓA SINH THẬN VÀ NƯỚC TIỂU 1. Thận 1.1. Chức phận bài tiết: 1.2. Vai trò của thận trong điều hòa thăng bằng aci - base 1.3. Chức phận nội tiết: 2. Nước tiểu: 2.1. Tính chất chung của nước tiểu: 2.2. Các chất bất thường trong nước tiểu	02	1. Trình bày được các chức năng hóa sinh của thận 2. Trình bày được các chất bất thường và cơ chế xuất hiện các chất đó trong nước tiểu.	1,2,3.
	Bài 14: THĂNG BẰNG ACID - BASE 1. Cơ sở lý hóa của sự thăng bằng acid - base 1.1. pH 1.2. Phương trình Henderson - Hasellbalch 2. Điều hòa thăng bằng acid base 2.1. vai trò của các hệ đệm 2.2. Vai trò của phổi 2.3. Vai trò của thận 3. Các thông số đánh giá tình trạng acid - base của cơ thể 3.1. pH máu 3.2. pCO₂ máu động mạch 3.3. Bicacbonat thực 3.4..Bicacbonat chuẩn	02	1. Trình bày được các khái niệm, cơ chế tác dụng của các hệ đệm. 2. Trình bày được vai trò của phổi, thận trong điều hòa thăng bằng acid - base. 3. Trình bày được một số	1,2,3

	3.5. Base đệm 3.6. Base dư 4. Rối loạn thăng bằng acid - base 4.1. Nhiễm acid hô hấp 4.2. Nhiễm base hô hấp 4.3. Nhiễm acid chuyển hóa 4.4. Nhiễm base hô hấp		trường hợp rối loạn thăng bằng acid, base.	
	Bài 15: SỰ TRAO ĐỔI MUỐI NƯỚC 1.Nước trong cơ thể: 1.1. Cấu tạo và đặc tính 1.2. Hàm lượng nước trong cơ thể 1.3. Sự phân bố nước trong cơ thể 1.4. Nhu cầu nước của cơ thể 1.5. Sự thăng bằng xuất nhập nước 1.6. Vai trò của nước trong cơ thể 2. các chất vô cơ: 2.1. Hàm lượng và sự phân bố các chất vô cơ trong cơ thể 2.2. Nhu cầu các chất vô cơ trong cơ thể 2.3. Hấp thu và bài xuất chất vô cơ trong cơ thể 2.4. Vai trò của chất vô cơ trong cơ thể 2.5. Một số chất vô cơ quan trọng trong cơ thể 3. Sự trao đổi muối nước 3.1. Các yếu tố quyết định sự vận chuyển và phân bố nước: 3.2. Sự trao đổi nước và các chất giữa các khu vực 4. Điều hòa trao đổi muối nước 4.1. Cơ chế thần kinh 4.2. Cơ chế nội tiết 4.3. Một số cơ quan tham gia điều hòa trao đổi muối nước 5. Rối loạn nước điện giải	02	1.Trình bày được hàm lượng, vai trò, nhu cầu và sự cân bằng của nước và các chất vô cơ trong cơ thể sống. 2. Trình bày được quá trình trao đổi nước và các chất vô cơ giữa các khu vực trong cơ thể. 3. Trình bày được các trường hợp rối loạn quá trình trao đổi	1,2,3

	5.1. Mất nước, mất muối 5.2. Ứ nước, ứ muối 5.3. Rối loạn phối hợp		nước và các chất vô cơ.	
--	--	--	----------------------------	--

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1: Hóa học glucid 1. Phản ứng Pheling 2. Tính khử và không khử của Disaccarid 3. Tác dụng của Iod với tinh bột và Glycogen	04	1. Làm được các thí nghiệm Feling, Tính khử và không khử của Disacarid, tác dụng của Iod với tinh bột và Glycogen. 2. Giải thích được các hiện tượng xảy ra của thí nghiệm 3. Nêu được ứng dụng của các thí nghiệm trên.	3,4,5
2	Bài 2: Hóa học lipid 1. Nhũ tương hóa Lipid 2. Chiết xuất Lecithin 3. Thủy phân lecithin và xác định các thành phần cấu tạo	04	1. Làm được và giải thích kết quả thí nghiệm nhũ tương hóa lipid, Thủy phân lecithin và xác định các thành phần cấu tạo 2. Quan sát và	3,4,5

			nhận định kết quả phản ứng chiết xuất Lecithin 3. Nêu được ứng dụng của các thí nghiệm trên.	
3	Bài 3: Hóa học protein 1. Phản ứng Ninhydrin 2. Phản ứng Biure 3. Phản ứng tủa protein bằng nhiệt độ	04	1. Làm được các thí nghiệm Phản ứng Ninhydrin, biure, tủa protein bởi nhiệt độ. 2. Giải thích được các hiện tượng xảy ra của thí nghiệm 3. Nêu được ứng dụng của các thí nghiệm trên.	3,4,5
4	Bài 4: Enzym 1. Thủy phân tinh bột bằng Amylase 2. Ảnh hưởng của chất hoạt hóa, chất ức chế 3. Tính đặc hiệu của enzym	04	1. Làm được các thí nghiệm Thủy phân tinh bột bằng Amylase, Ảnh hưởng của chất hoạt hóa, chất ức chế, tính đặc hiệu của enzym 2. Giải thích được các hiện	3,4

			tượng xảy ra của thí nghiệm 3. Nêu được ứng dụng của các thí nghiệm trên.	
5	Bài 5: Định lượng một số chất hóa học trong máu 1. Định lượng Glucose máu 2. Định lượng Ure máu 3. Định lượng creatinine máu 4. Định lượng acid Uric huyết thanh	04	1. Làm được các thí nghiệm định lượng Glucose, ure, creatinin, uric 2. Giải thích được các hiện tượng xảy ra của thí nghiệm Glucose, ure, creatinin, uric trong máu. 3. Nêu được ứng dụng của các thí nghiệm trên.	3,4,5
6	Bài 6: Định lượng một số chất hóa học trong máu 1. Định lượng Protein huyết thanh 2. Định lượng Albumin huyết thanh 3. Định lượng Cholesterol huyết thanh 4. Định lượng Triglycerid huyết thanh	04	1. Làm được các phản ứng định lượng protein, albumin, cholesterol, triglycerid. 2. Giải thích được các hiện tượng xảy ra của các phản ứng định lượng	3,4,5

			protein, albumin, cholesterol, triglycerid. 3. Nêu được ứng dụng của các phản ứng trên.	
7	Bài 7: Tìm các chất bất thường trong nước tiểu 1. Định tính protein niệu 2. Định lượng protein niệu 3. Tìm muối mật trong nước tiểu 4. Tìm sắc tố mật trong nước tiểu	04	1. Làm được các thí nghiệm định tính protein niệu, định lượng protein niệu, tìm cetonic, sắc tố mật trong nước tiểu. 2. Giải thích được các hiện tượng xảy ra của thí nghiệm định tính protein niệu, định lượng protein niệu, tìm cetonic, sắc tố mật trong nước tiểu. 3. Nêu được ứng dụng của các thí nghiệm trên.	3,4,5
8	Bài 8: Tìm các chất bất thường trong nước tiểu 1. Tìm máu và hemoglobin trong nước tiểu	04	1. Làm được các thí nghiệm tìm máu và	3,4,5

	2. Tìm cetonic trong nước tiểu 3. Định lượng sơ bộ đường niệu		hemoglobin, tìm cetonic, định lượng sơ bộ glucose niệu. 2. Giải thích được các hiện tượng xảy ra của thí nghiệm tìm máu và hemoglobin, tìm cetonic, định lượng sơ bộ glucose niệu. 3. Nêu được ứng dụng của các thí nghiệm trên.	
--	--	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, nêu câu hỏi và giải đáp câu hỏi, thảo luận nhóm.
- Thực hành: sinh viên thực hành thao tác tại phòng thí nghiệm, phân tích từng động tác, nhận định và phân tích kết quả.

2. Phương pháp học tập của người học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng bài và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học...
- Khi thực hành: sinh viên được hướng dẫn mẫu theo nhóm nhỏ, tiến hành thí nghiệm, biện luận kết quả...

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Câu hỏi ngắn, máy chiếu, test, phấn, bảng,
Số bài kiểm tra giữa học phần: 01
2. Thực hành: Câu hỏi ngắn, phấn, bảng, test, dụng cụ, hóa chất, huyết thanh mẫu.

Số bài kiểm tra hết học phần: 01

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Câu hỏi ngắn

: Test trắc nghiệm

2. Thực hành: Vấn đáp

Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

Số bài kiểm tra hết học phần :01

Số bài kiểm tra học phần: 01

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	-Vắng không lý do: Trừ 0,5 điểm/tiết học - Vắng có phép hợp lệ: Trừ 0,5 điểm/tiết học - Đi học muộn Trừ 0,5 điểm//lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do	1, 2, 3	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0.1	Bài kiểm tra 1 tiết	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0.2	Bài kiểm tra 30 phút	Vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học	0.6	Bài thi 45 phút, tổ	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm	1, 2, 3	10

phần (ĐKTHP)		hợp từ ngân hàng đề		thống nhất chung		
-----------------	--	---------------------------	--	---------------------	--	--

Công thức tính điểm:

Điểm học phần= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 + ĐTH x 0,2 + ĐKTHP x 0,6

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Tài liệu học tập:

- 1.1. Nguyễn Nghiêm Luật (2011), Hóa sinh – nhà xuất bản Y học.
- 1.2. Nguyễn Nghiêm Luật (2003), Thực tập Hóa Sinh, Nhà xuất bản Y học.

2. Tài liệu tham khảo:

- 2.1. Nguyễn Hữu Chấn (2001), Hóa Sinh, nhà xuất bản Y học
- 2.2. Nguyễn Xuân Thắng (2005), Hóa sinh học, nhà xuất bản Y học
- 2.3. Nguyễn Nghiêm Luật (2007), Hóa sinh, nhà xuất bản Y học
- 2.4. Tạ Thành Văn (2013), Hóa sinh lâm sàng, Nhà xuất bản Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Lý thuyết

Tuần	Nội dung	Số tiết	Giảng viên	H/ thức học
1	Hóa học glucid	02	Ths Hà Thị Thu Hiền	Thuyết trình Thảo luận
3	Hóa học lipid	02	Ths Hà Thị Thu Hiền	Thuyết trình Thảo luận
4	Hóa học acid amin và protein	02	Ts Bùi Thị Minh Phượng	Thuyết trình Thảo luận
5	Hóa học hemoglobin	02	Ths Phan Thị Hồng	Thuyết trình Thảo luận
6	Enzym	02	Ths Trần Thị Thi	Thuyết trình Thảo luận
7	Năng lượng sinh	02	Ths Trần Thị Thi	Thuyết trình

	học và hô hấp tế bào			Thảo luận
8	Chuyển hóa Glucid	02	Ts Bùi Thị Minh Phượng	Thuyết trình Thảo luận
9	Chuyển hóa lipid	02	Ths Hà Thị Thu Hiền	Thuyết trình Thảo luận
10	Chuyển hóa acid amin	02	Ts Bùi Thị Minh Phượng	Thuyết trình Thảo luận
11	Chuyển hóa hemoglobin	02	Ths Trần Thị Thi	Thuyết trình Thảo luận
12	Hóa sinh máu	02	Ths Nguyễn Thị Minh Thái	Thuyết trình Thảo luận
13	Hóa sinh gan	02	Ts Bùi Thị Minh Phượng	Thuyết trình Thảo luận
14	Hóa sinh thận, nước tiểu	02	Ths Nguyễn Thị Minh Thái	Thuyết trình Thảo luận
15	Thăng bằng acid base	02	Ths Trần Thị Thi	Thuyết trình Thảo luận
16	Trao đổi muối nước	02	Ths Trần Thị Thi	Thuyết trình Thảo luận

2. Thực hành:

Tuần	Nội dung	Số tiết	Giảng viên
1	Hóa học glucid	4	Ths Trần Thị Thi
2	Hóa học lipid	4	Ts Bùi Thị Minh Phượng
3	Hóa học protein	4	Ts Bùi Thị Minh Phượng
4	Enzym	4	Ths Nguyễn Thị Minh Thái
5	Định lượng một số chất hóa học trong máu	4	Ths Trần Thị Thi

6	Định lượng một số chất hóa học trong máu	4	Ths Hà Thị Thu Hiền
7	Tìm các chất bất thường trong nước tiêu	4	Ts Bùi Thị Minh Phương
8	Tìm các chất bất thường trong nước tiêu	4	Ths Nguyễn Thị Minh Thái

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

1.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao trong sách bài tập.

1.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Thực hành đầy đủ các buổi học thực hành (8/8 buổi).
- Đọc trước nội dung các bài thực hành.
- Làm bài tập tình huống cuối mỗi bài thực hành.

2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

BỘ MÔN VI SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VI SINH****Năm 2021**

Tên học phần: Vi Sinh

Tên tiếng Việt: Vi Sinh

Tên tiếng Anh: Microbiology

Mã học phần: 3120MICBIO0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

II. Hành chính**1. Thông tin chung**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên ngành y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	3 (2LT, 1TH) 28 tiết 72 32 18
Số bài kiểm tra (LT/TH): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 01 01

Học phần học trước:	Sinh học
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Sinh lý, Mô phôi,
Bộ môn giảng dạy	Vi sinh

2. Mô tả chung về học phần

2.1. Lý thuyết

Vi sinh y học là môn học chuyên nghiên cứu về vi sinh vật ảnh hưởng tới sức khỏe con người về các mặt có lợi và có hại cho sức khỏe. Nội dung môn học được chia làm 3 phần:

- Phần 1: Đại cương vi sinh y học
- Phần 2: Các vi khuẩn gây bệnh thường gặp
- Phần 3: Các virus gây bệnh thường gặp

Phần đại cương vi sinh y học cung cấp những kiến thức cơ bản về vi khuẩn, virus, di truyền vi khuẩn, nhiễm trùng và miễn dịch chống nhiễm trùng, nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vaccine và huyết thanh miễn dịch, các kỹ thuật miễn dịch dùng trong chẩn đoán vi sinh vật, cơ chế tác động của kháng sinh lên tế bào vi khuẩn, cơ chế tác động của thuốc kháng virus.

Phần chuyên đề cung cấp những kiến thức chính liên quan đến vi sinh vật gây bệnh. Ở mỗi vi sinh vật gây bệnh đề cập đến những đặc điểm sinh học quan trọng của chúng, đó là cơ sở để định danh dựa trên các tính chất về hình thể, nuôi cấy, tính chất hóa sinh, kháng nguyên, gen đặc hiệu và cũng là cơ sở nghiên cứu độc lực, khả năng và cơ chế gây bệnh, đây chuyên dịch tế học làm cơ sở khoa học cho các biện pháp phòng bệnh và điều trị các bệnh do chúng gây ra.

2.2. Thực hành

Phần thực hành cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc chẩn đoán vi sinh vật các bệnh nhiễm trùng. Đọc và phân tích kết quả nuôi cấy, tính chất hóa sinh của các vi khuẩn gây bệnh thường gặp. Làm được tiêu bản nhuộm Gram, Ziehl – Neelsen. Nhận biết được hình thể, tính chất bắt màu, cách sắp xếp của vi khuẩn trên kính hiển vi quang học. Làm được một số kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh học các bệnh nhiễm trùng bằng test nhanh. Làm, đọc và phân tích kết quả kháng sinh đồ. Trên nền tảng kiến thức và kỹ năng thực hành giúp sinh viên khi ra trường có thể chỉ định xét nghiệm vi sinh vật các

bệnh nhiễm trùng, đọc và phân tích kết quả xét nghiệm vi sinh từ đó có phác đồ phòng và điều trị có hiệu quả nhất các bệnh nhiễm trùng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Ghi chú
1.	Bùi Thị Hồng Thanh	Th.S. GVC	Phụ trách
2.	Nguyễn Thu Hường	Th.S. GVC	Tham gia
3.	Đinh Thị Huyền Trang	Ths. Gv	Tham gia
4.	Hoàng Quỳnh Hương	Ths. Gv	Tham gia
5.	Hoàng Vũ Mai Phương	TS	Tham gia (Viện VSDTW)
6.	Trần Thị Nguyễn Hòa	TS	Tham gia (Viện VSDTW)

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng kiến thức vi sinh vật đại cương và các đặc điểm sinh học chính của vi sinh vật để giải thích khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc phòng và điều trị bệnh do vi sinh vật gây ra	PEO 1,2
2.	Chỉ định, làm, đọc và phân tích được một số xét nghiệm vi sinh chẩn đoán bệnh nhiễm trùng thường gặp	PEO 1,4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được kiến thức cơ sở	S: PLO 1,4

	ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn Y học dự phòng	
--	---	--

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Đại cương vi sinh y học	8	Vận dụng kiến thức vi sinh vật đại cương để giải thích khả năng gây bệnh của vi sinh vật, nguyên tắc phòng và điều trị bệnh nhiễm trùng	1
2	Các vi khuẩn gây bệnh thường gặp	12	Trình bày được các đặc điểm sinh học chính, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán nguyên tắc phòng và điều trị bệnh do các vi sinh vật gây ra	1
3	Các virus gây bệnh thường gặp	8		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Phương pháp chẩn đoán xét nghiệm vi khuẩn; Kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn trên các loại môi trường	4	1. Ứng dụng được hai phương pháp chẩn đoán xét nghiệm vi khuẩn trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng 2. Làm và nhận định được sự phát triển của vi khuẩn trên các loại môi trường	1
2	Bài 2: Kỹ thuật nhuộm vi khuẩn	4	Làm và nhận định vi khuẩn trên tiêu bản nhuộm và ứng dụng kết	1

			quả xét nghiệm trong chẩn đoán một số bệnh nhiễm trùng	
3	Bài 3: Cây phân, cấy máu tìm vi khuẩn gây bệnh	4	Làm, đọc và ứng dụng được kết quả cấy phân và cấy máu trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	1
4	Bài 4: Cây bệnh phẩm đường hô hấp tìm vi khuẩn gây bệnh	4	Làm, đọc và ứng dụng được kết quả cấy bệnh phẩm đường hô hấp trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	1
5	Bài 5: Cây dịch, cấy mủ tìm vi khuẩn gây bệnh	4	Làm, đọc và ứng dụng được kết quả cấy dịch, cấy mủ trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	1
6	Bài 6: Cây nước tiểu tìm vi khuẩn gây bệnh	4	Làm, đọc và ứng dụng được kết quả cấy nước tiểu trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	1
7	Bài 7: Kỹ thuật kháng sinh đồ	4	Làm, đọc và ứng dụng được kết quả kháng sinh đồ trong điều trị bệnh nhiễm trùng	1
8	Bài 8 : Phương pháp chẩn đoán xét nghiệm virus Chẩn đoán huyết thanh học các bệnh nhiễm trùng	4	Làm, đọc và ứng dụng được kết quả xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	1

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm

2. Thực hành

- Làm, đọc và ứng dụng các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh cơ bản

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Phân bảng, máy chiếu Projector , câu hỏi phát vấn.

2. Thực hành

- Kính hiển vi quang học, tiêu bản mẫu, dụng cụ (que cấy, đèn cồn, ống nghiệm...), sơ đồ phân lập vi khuẩn, bộ thuốc nhuộm Gram, bộ thuốc nhuộm Ziehl - Neelsen, môi trường nuôi cấy vi khuẩn (thạch máu, canh thang...), sinh phẩm định danh vi khuẩn.
- Các test chẩn đoán huyết thanh học một số bệnh nhiễm trùng thường gặp

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1		Theo quy chế đào tạo			10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	01	Tự luận	≥ 4	1	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	01	Vấn đáp	≥ 4	1	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	01	Test trắc nghiệm khách quan	≥ 4	1	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Đ.HP} = \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.GHP} \times 0,1 + \text{Đ.TH} \times 0,2 + \text{Đ.LT} \times 0,6$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25/Tiết

Nghỉ học không phép	0,5 /Tiết học
Đi muộn	< 15 phút trừ 0,5 điểm/lần > 15 phút vắng không phép (trừ 0,5/ tiết)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Chưa trả lời hết các câu hỏi	Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi, trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

TÀI LIỆU HỌC TẬP CHỦ YẾU

1. Lê Hữu Chiến, Bùi Thị Hồng Thanh (2015), *Giáo trình vi sinh vật y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Lê Hữu Chiến, Bùi Thị Hồng Thanh (2018), *Thực tập vi sinh vật y học*, lưu hành nội bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Bộ môn Vi sinh, Học viện Quân Y (2008), *Vi sinh vật y học*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.
2. Lê Huy Chính (2007), *Vi sinh vật y học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Lê Văn Phụng (2009), *Vi khuẩn y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Bộ Y tế (2006), *Vi sinh - ký sinh trùng*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
6. Wang- Shick Ryu (2017), *Molecular virology of Human Pathogenic Viruses*, Elsevier.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Đọc cuốn sổ tay học viên - sinh viên “Những điều cần biết năm 2021” của trường Đại học y dược Thái Bình.

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 (theo thang điểm 10) và điểm kiểm tra giữa học phần đạt theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần. Sinh viên có điểm kiểm tra thực hành không đạt sẽ được bộ môn sắp xếp cho kiểm tra thực hành lần 2.

Sinh viên có điểm kiểm tra thực hành lần 2 đạt yêu cầu và đảm bảo đủ các điều kiện duyệt thi khác theo quy định sẽ được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT		Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Cập nhật đề cương tiết lần 1	năm 2021	Bùi Thị Hồng Thanh
2.	Dự kiến	năm 2023	Bùi Thị Hồng Thanh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN SINH LÝ HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Sinh lý học

Tên tiếng Anh: Physiology

Mã học phần: 3120PHYSIO0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học Dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	32 tiết 9 tiết 64 tiết 32 tiết 4 tiết 64 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành: Kết thúc học phần:	03 01 01 01
Học phần học trước:	Sinh học, Lý sinh, Hoá học
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu
Học phần song hành:	Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sinh lý học

2. Mô tả chung về học phần:

2.1. Lý thuyết

Sinh lý học là môn học gồm:

Sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan bao gồm các nội dung về hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể như: Hệ máu, hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ tiêu hóa, tiết niệu, hệ thống nội tiết, hệ sinh sản, hệ thống thần kinh.

2.2. Thực hành/ Lâm sàng

Thực hành gồm

+ Các xét nghiệm máu cơ bản : đếm số lượng hồng cầu, số lượng bạch cầu, định công thức bạch cầu phổ thông, định lượng huyết sắc tố, định nhóm máu hệ ABO, đo tốc độ lắng máu, thời gian máu chảy, máu đông, đo thể tích khối hồng cầu.

+ Thực nghiệm chứng minh lý thuyết thần kinh, tuần hoàn, sinh sản.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Hiên	TS.GVCC	0936798929	hiennt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Trần Minh Hậu	PGS. TS	0983570519	hauytb@gmail.com	Tham gia
3.	Trần Thị Hải Lý	Ths.GVC	0983346508	hailyytb@gmail.com	Tham gia
4.	Lã Kim Chi	Ths.GVC	0902090609	bskimchidhytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được chức năng, hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể.	PEO 2
2.	Trình bày được cơ chế điều hòa hoạt động chức năng để đảm bảo sự thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể và giữa cơ thể với môi trường.	PEO 2
3.	Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành Y học Dự phòng.	PEO 2
4.	Làm được ít nhất 1 lần các xét nghiệm; Nhận định cơ bản được ít nhất 5 kết quả xét nghiệm công thức máu; Quan sát và giải thích được cơ chế của	PEO 2,4

	các biểu hiện bình thường cũng như các rối loạn bất thường trên thực nghiệm.	
--	--	--

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Sau khi học xong tín chỉ Sinh lý học, sinh viên có kiến thức cơ bản về chức năng và hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan hệ thống cơ quan trong cơ thể. Hiểu được cơ chế điều hòa hoạt động chức năng để đảm bảo sự thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể và giữa cơ thể với môi trường. Trên cơ sở đó giải thích được một số rối loạn bệnh lý trên lâm sàng.	S: PLO 2, 3 H: PLO 1
2.	Ứng dụng trong thực hành chuyên môn của ngành Y học Dự phòng.	S: PLO 8 H: PLO 1

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết : 32 tiết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. Sinh lý máu <i>1. Những tính chất và chức năng chung của máu</i> 1.1. Tính chất của máu 1.2. Chức năng chung của máu <i>2. Hồng cầu</i> 2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu 2.2. Chức năng của hồng cầu 2.3. Quá trình sinh hồng cầu 2.4. Điều hòa quá trình sinh hồng cầu 2.5. Các yếu tố tham gia tạo hồng cầu 2.6. Rối loạn lâm sàng dòng hồng cầu <i>3. Nhóm máu và truyền máu</i> 3.1. Hệ thống nhóm máu ABO 3.2. Hệ thống nhóm máu Rh <i>4. Bạch cầu</i> 4.1. Số lượng và công thức bạch cầu 4.2. Những đặc tính của bạch cầu 4.3. Chức năng của bạch cầu <i>5. Tiểu cầu</i> 5.1. Cấu trúc, tính chất sinh vật và chức năng của tiểu cầu 5.2. Quá trình sinh tiểu cầu <i>6. Quá trình cầm máu</i> 6.1. Giai đoạn thành mạch 6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu 6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông 6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông 6.5. Những chất chống đông sử dụng trong lâm sàng 6.6. Những rối loạn cầm máu trên lâm sàng	4		1
2	Bài 2. Sinh lý hô hấp <i>1. Đặc điểm chức năng của bộ máy hô hấp</i> <i>2. Chức năng thông khí của phổi</i> 2.1. Các động tác hô hấp 2.2. Các thông số đánh giá chức năng thông khí phổi <i>3. Chức năng vận chuyển khí của máu</i> 3.1. Máu vận chuyển oxy 3.2. Máu vận chuyển carbonic <i>4. Điều hòa hô hấp</i> 4.1. Cấu tạo của trung tâm hô hấp	4		1

	4.2. Hoạt động của trung tâm hô hấp 4.3. Điều hòa hoạt động của trung tâm hô hấp			
3	Bài 3. Sinh lý tuần hoàn <i>1. Sinh lý tim</i> 1.1. Đặc điểm cấu trúc – chức năng của tim 1.2. Tính chất sinh lý cơ tim 1.3. Chu kỳ hoạt động của tim 1.4. lưu lượng tim 1.5. Những biểu hiện bên ngoài của chu kỳ tim 1.6. Điều hòa hoạt động tim <i>2. Sinh lý tuần hoàn động mạch (Huyết áp động mạch)</i> 2.1. Khái niệm về huyết áp động mạch 2.2. Các loại huyết áp động mạch 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới huyết áp 2.4. Điều hòa huyết áp động mạch <i>3. Tuần hoàn tĩnh mạch</i> <i>4. Tuần hoàn mao mạch</i>	4		1
4	Bài 4. Sinh lý quá trình tạo nước tiểu <i>1. Đặc điểm cấu trúc - chức năng của thận</i> 1.1. Đơn vị thận 1.2. Mạch máu thận 1.3. Phức hợp cận cầu thận <i>2. Quá trình tạo nước tiểu</i> 2.1. Quá trình lọc ở cầu thận 2.2. Quá trình trao đổi chất ở ống thận 2.3. Khả năng vận chuyển tối đa của thận <i>3. Nguyên lý của một số nghiệm pháp thăm dò chức năng thận</i>	4		1
5	Bài 5. Sinh lý bộ máy tiêu hóa <i>1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản</i> <i>2. Tiêu hóa ở dạ dày</i> 2.1. Hoạt động cơ học của dạ dày 2.2. Bài tiết dịch tiêu hóa ở dạ dày 2.3. Kết quả tiêu hóa ở dạ dày <i>3. Tiêu hóa ở ruột non</i> 3.1. Đặc điểm cấu tạo của ruột non 3.2. Hoạt động cơ học của ruột non 3.3. Bài tiết dịch tiêu hóa ở ruột non 3.4. Hấp thu ở ruột non <i>4. Tiêu hóa ở ruột già</i> 4.1. Hiện tượng cơ học của ruột già 4.2. Sự bài tiết ở ruột già 4.3. Hấp thu ở ruột già và thành phần của	4		1

	phân 5. Một số rối loạn lâm sàng của ống tiêu hóa			
6	Bài 6. Sinh lý sinh dục và sinh sản <i>1. Sinh lý sinh dục và sinh sản nam</i> 1.1. Đặc điểm cấu tạo bộ máy sinh dục nam 1.2. Chức năng của tinh hoàn, túi tinh, tuyến tiền liệt 1.3. Dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam 1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam <i>2. Sinh lý sinh dục và sinh sản nữ</i> 2.1. Đặc điểm cấu tạo bộ máy sinh dục nữ 2.2. Các hormon buồng trứng 2.3. Chu kỳ kinh nguyệt 2.4. Dậy thì và mãn kinh 2.5. Thụ thai, mang thai, sỏ thai 2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai 2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm 2.8. Các biện pháp tránh thai	4		1
7	Bài 7. Sinh lý hệ thần kinh <i>1. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương</i> 2.1. Chức năng của neuron 2.2. Các synap thần kinh <i>4. Hệ thần kinh thực vật</i> 4.1. Cấu trúc của hệ thần kinh thực vật 4.2. Các chất dẫn truyền thần kinh và receptor 4.3. Chức năng của hệ thần kinh thực vật 4.4. Một số chất làm tăng hoặc giảm chức năng của hệ thần kinh thực vật 4.5. Các phản xạ thực vật và trung khu điều hòa chức năng thực vật	4		1
8	Bài 8. Sinh lý nội tiết <i>1. Đại cương về hệ nội tiết và hormon</i> 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại hormon 1.3. Bản chất của hormon 1.4. Chất tiếp nhận hormon (receptor) 1.5. Cơ chế tác dụng của hormon 1.6. Điều hòa bài tiết hormon <i>2. Vùng dưới đồi</i> 2.1. Đặc điểm cấu tạo 2.2. Các hormon giải phóng và ức chế của vùng dưới đồi	4		1

	2.3. Điều hòa bài tiết hormon vùng dưới đồi 3. <i>Tuyến yên</i> 3.1. Đặc điểm cấu tạo 3.2. Các hormon thù trước tuyến yên 3.3. Các hormon thù sau tuyến yên 3.4. Rối loạn hoạt động chức năng của tuyến yên 4. <i>Tuyến giáp</i> 4.1. Đặc điểm cấu tạo 4.2. Hormon $T_3 - T_4$ 4.3. Hormon calcitonin 4.4. Rối loạn hoạt động chức năng của tuyến giáp 5. <i>Tuyến cận giáp</i> 5.1. Đặc điểm cấu tạo 5.2. Hormon tuyến cận giáp 5.3. Rối loạn hoạt động chức năng của tuyến cận giáp 6. <i>Tuyến thượng thận</i> 6.1. Đặc điểm cấu tạo 6.2. Các hormon vỏ thượng thận 6.3. Các hormon tủy thượng thận 6.4. Rối loạn hoạt động chức năng của tuyến thượng thận 7. <i>Tuyến tụy nội tiết</i> 7.1. Đặc điểm cấu tạo 7.2. Hormon insulin 7.3. Hormon glucagon 7.4. Rối loạn hoạt động chức năng của tuyến tụy nội tiết			
--	---	--	--	--

2. Thực hành : 32 tiết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CD R
1	Đếm số lượng hồng cầu	4.0	1. Thuộc nguyên tắc xét nghiệm. 2. Làm được những thao tác kỹ thuật chính của xét nghiệm theo trình tự. 3. Đếm được số lượng hồng cầu. 4. Phân tích được kết quả hồng cầu của người bình thường	1
2	Đếm số lượng bạch cầu	4.0	1. Thuộc nguyên tắc xét nghiệm. 2. Làm được những thao tác kỹ thuật	1

			chính của xét nghiệm theo trình tự. 3. Đếm được số lượng bạch cầu. 4. Phân tích được kết quả bạch cầu của người bình thường	
3	Định lượng huyết sắc tố	4.0	1. Thuộc nguyên tắc xét nghiệm. 2. Làm được các thao tác kỹ thuật xét nghiệm theo phương pháp Sahly. 3. Đọc và phân tích được kết quả nồng độ huyết sắc tố người bình thường.	1
4	Định công thức bạch cầu	4.0	1. Thuộc nguyên tắc xét nghiệm. 2. Làm được các thao tác kỹ thuật xét nghiệm cơ bản theo trình tự. 3. Nhận dạng và phân biệt được từng loại bạch cầu trên kính hiển vi. 4. Phân tích được công thức bạch cầu phổ thông ở người bình thường	1
5	Định tốc độ lắng máu ; Định thời gian máu chảy, máu đông	4.0	1. Thuộc nguyên tắc xét nghiệm. 2. Làm được các thao tác kỹ thuật xét nghiệm theo trình tự. 3. Nhận định và phân tích được kết quả tốc độ lắng máu, máu đông, máu chảy ở người bình thường	1
6	Định nhóm máu hệ ABO và hệ Rh	4.0	1. Thuộc nguyên tắc xét nghiệm. 2. Làm được kỹ thuật xét nghiệm theo trình tự để xác định nhóm máu hệ ABO, Rh của bản thân. 3. Đọc và phân tích được kết quả nhóm máu.	
7	Ghi huyết áp động mạch trên chó	4.0	1. Thuộc nguyên tắc của thí nghiệm. 2. Quan sát, vẽ và giải thích được đồ thị huyết áp bình thường. 3. Phân tích ảnh hưởng khi kích thích dây thần kinh X, và thử tác dụng của một số hoá chất lên huyết áp động mạch	1
8.	Chẩn đoán có thai sớm, phân tích cung phản xạ tử	4.0	1. Thuộc nguyên tắc của thí nghiệm 2. Làm được quy trình kỹ thuật xét nghiệm theo các phương pháp. 3. Quan sát và giải thích kết quả dương tính, âm tính của phản ứng sinh	1

			<i>vật học và phản ứng miễn dịch học để chẩn đoán thai sớm.</i> <i>4. Giải thích được từng hiện tượng khi phá bỏ từng bộ phận của cung phản xạ tuỷ</i>	
--	--	--	--	--

II. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống.
2. Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:
 - Giáo trình, bài tập tình huống.
 - Máy chiếu overhead, powerpoint.
 - Phấn, bút dạ.
2. Thực hành:
 - Kính hiển vi, kính hiển vi truyền hình
 - Buồng đếm tế bào máu, ống potin, máu, lam kính, bông cotton, kim chích
 - Hóa chất, động vật thực nghiệm.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%		Theo qui chế đào tạo của nhà trường Qua nhật ký học tập	Tham dự lớp - Chuẩn bị bài - Chấp hành nội qui...		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	01	Thi viết	≥ 4	1	10
Điểm thực hành (ĐTH)	20%	01	- Bảng kiểm kiểm tra kỹ thuật - Câu hỏi ngắn	≥ 4	1	10
Điểm kết	60%	01	Thi viết	≥ 4	1	10

thức học phần (ĐKTHP)						
-----------------------------	--	--	--	--	--	--

Công thức tính điểm:

Điểm tổng = (điểm chuyên cần $\times 0,1$) + (điểm kiểm tra giữa học phần $\times 0,1$) + (điểm thực hành $\times 0,2$) + (điểm lý thuyết cuối kỳ $\times 0,6$)

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/02 tiết học (ngoại trừ các trường hợp điều động của nhà trường)
Nghỉ học không phép	0,5đ/1 tiết
Đi muộn	0,5/ lần (Nếu muộn trên 15 phút tính vắng không phép)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không đạt	Đạt yêu cầu	Khá	Tốt	Rất Tốt

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Trần Minh Hậu (2014), *Giáo trình Sinh lý học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Trần Minh Hậu (2014), *Bài giảng Thực tập Sinh lý học*, Lưu hành nội bộ.

2. Tài liệu tham khảo

3. Phạm Thị Minh Đức (2007), *Sinh lý học*, NXB Y học.
4. Phạm Thị Minh Đức (2005), *Thực tập Sinh lý học*, NXB Y học.
5. Trần Văn Ngọc, Nguyễn Thị Lê (2018), *Sinh lý học Y khoa*, NXB Y học
6. Đỗ Trung Phần (2009), *Kỹ thuật xét nghiệm huyết học và truyền máu ứng dụng trong lâm sàng*. NXB Y học.

7. Guyton A. C Hall J. E. (1994), *Textbook of medical physiology*, Ninth edition. U. B. Sauder Company.

8. Ganong U. F. (1993), *Review of medical physiology*, Sixth edition, Appleton and Lange.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

*** Phần lý thuyết**

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	Sinh lý Máu	3	PGS.Ts Hậu	[1,2], [3, 4,5,6 ,7,8]	Thuyết trình
2	Thảo luận sinh lý máu	1	PGS.Ts Hậu		
3	Sinh lý hô hấp	3	PGS.Ts. Hậu	[1,2],	Thuyết trình
4	Thảo luận	1	PGS.Ts. Hậu	[3, 4,5 ,7,8]	Thảo luận
5	Sinh lý tuần hoàn	3	Ths. Lý	[1,2],	Thuyết trình
6	Thảo luận SLTuần hoàn	1	Ths. Lý	[3, 4,5 ,7,8]	
7	Sinh lý tiết niệu	3	Ts. Hiên	[1,2], [3, 4,5 ,7,8]	Thuyết trình
8	Thảo luận SLTN	1	Ts. Hiên		Tình huống
9	Semina trước KTGK	2	Hiên, Chi, lý		MCQ, Câu hỏi ngắn
10	Sinh lý tiêu hóa	3	Ths Chi	[1], [3,5,7,8]	Thuyết trình
11	Thảo luận sinh lý tiêu hóa	1	Ths. Chi		Thảo luận
12	Sinh lý Sinh sản	3	Ths. Lý	[1,2], [3, 4,5 ,7,8]	Thuyết trình
13	Thảo luận Sinh lý Sinh sản	1	Ths. Lý		Thảo luận
14	Sinh lý Hệ Nội tiết	3	Th. Chi	[1]	Thuyết trình
13	Thảo luận SL hệ nội tiết	1	Th. Chi	[3,5,7,8]	Thảo luận
14	Neuron	2	Ts. Hiên	[1] [3, 4,8,9]	Thuyết trình

*** Thực hành**

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/ TLTK	Hình thức học
1	Đếm số lượng hồng cầu	4.0	Ths. Lý	[2,6]	- GV: hướng dẫn bằng kiểm - KTV: thao tác mẫu hướng dẫn kỹ thuật. - SV: + Quan sát, học theo bảng kiểm. + Trả bài theo nội dung lượng giá
2	Đếm số lượng bạch cầu	4.0	Ths. Chi	[2,6]	
3	Định lượng huyết sắc tố	4.0	Ts. Hiên	[2,6]	
4	Định công thức bạch cầu	4.0	Ths. Lý	[2,6]	
5	Định tốc độ lắng máu ; Định thời gian máu chảy, máu đông	4.0	Ths. Hiên	[2,6]	
6	Định nhóm máu hệ ABO và hệ Rh	4.0	Ths. Chi	[2,6]	
7	Ghi huyết áp động mạch trên chó	4.0	Ths. Hiên		
8.	Chẩn đoán có thai sớm, phân tích cung phản xạ tủy	4.0	Ths. Chi		

VIII. Quy định với sinh viên:

1. *Nhiệm vụ của sinh viên:*

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lab

2. *Quy định điều kiện dự thi:*

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Có điểm thực hành và giữa kỳ từ 3 trở lên mới được thi hết học phần.

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN SINH LÝ HỌC

Ts. Nguyễn Thị Hiên

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	Ts. Nguyễn Thị Hiên
2.	Lần 2	05/2021	TS. Nguyễn Thị Hiên
3.	Dự kiến	Năm 2023	TS.GVCC.Nguyễn Thị Hiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BỘ MÔN: SINH LÝ BỆNH**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Tên tiếng Anh: Pathophysiology-Immunology

Mã học phần: 3120PATIMN0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. HÀNH CHÍNH**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm 2
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành: Thảo luận: Số giờ tự học:	3 (2LT, 1TH) 32 68 30 20
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	1 bài lý thuyết-1 bài thực hành 1 bài lý thuyết-1 bài thực hành
Học phần học trước:	Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Hóa sinh

Học phần tiên quyết:	Sinh lý
Học phần song hành:	Dược lý, Giải phẫu bệnh
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sinh lý bệnh-Miễn dịch

2. Mô tả chung về học phần

2.1. Lý thuyết

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch là một môn học ghép giữa hai môn Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể trong các quá trình bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị bệnh lý; vai trò của hệ thống miễn dịch và một số cơ chế rối loạn miễn dịch. Trên cơ sở đó, môn học này giúp người học hiểu được nguyên lý và thực hiện được một số kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh.

2.2. Thực hành

Minh họa và làm sáng tỏ lý thuyết

Giúp người học thực hành một số thao tác trong hỗ trợ bác sĩ trong chẩn đoán, điều trị và tư vấn phòng bệnh cho người bệnh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Vân Anh	Tiến sĩ	0913.075.358	tva7377@gmail.com anhhtt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Lê Thị Lan Phương	Thạc sĩ	0913.847.886	phuongleytb@gmail.com	Tham gia
3.	Khổng Thị Điệp	Thạc sĩ	0985.546.327	diepkhongtbmu@gmail.com	
4.	Hà Thị Hải	Thạc sĩ	0943.290.482	hahai1982@gmail.com	
5.	Trần Thị Hằng	Thạc sĩ	0982.669.260	hangtranytb@yahoo.com	
6.	Tr T Phương Thanh	Thạc sĩ	0985.248.649	phuongthanh12101983@gmail.com	
7.	Đàm Thị Ngân	CNCĐ	0985.670.445	luyenvt@tbump.edu.vn	
8.	Vũ Thị Luyện	CNCĐ	0912.214.740	ngandt@tbump.edu.vn	

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được các kiến thức sinh lý bệnh	PEO 1,2,3

	đại cương để giải thích mối quan hệ giữa nguyên nhân, điều kiện gây bệnh và quá trình bệnh sinh trong viêm, rối loạn chuyển hóa chung.	
2.	Vận dụng được các kiến thức sinh lý học, hóa sinh và sinh lý bệnh đại cương để giải thích được cơ chế các biểu hiện bệnh lý của rối loạn chuyển hóa, rối loạn chức phận cơ quan hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, máu trong cơ thể.	PEO 2,3
3.	Trình bày khái quát về các phương thức đáp ứng miễn dịch, cấu trúc và chức năng của hệ thống miễn dịch.	PEO 2,3
4.	Vận dụng được các kiến thức khái quát về miễn dịch cơ bản để giải thích được cơ chế bệnh sinh một số quá trình bệnh lý về miễn dịch.	PEO 2,3
5.	Nhận định được một số huyết đồ bệnh lý; phân tích và đánh giá kết quả một số kỹ thuật xét nghiệm. Liên hệ, áp dụng được các kiến thức về cơ chế bệnh sinh và các rối loạn miễn dịch để xử lý tình huống, giải quyết các vấn đề bệnh lý trong chăm sóc người bệnh.	PEO 2,3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Giải thích được mối quan hệ giữa nguyên nhân, điều kiện gây bệnh và quá trình bệnh	S: PLO 2, 3, 6, 8, 10, 11, 13.

	sinh trong rối loạn chuyển hóa, rối loạn chức phận các cơ quan trong cơ thể.	H: PLO 1, 4,7, 12, 14
2.	Giải thích được cơ chế bệnh sinh một số quá trình bệnh lý về miễn dịch.	S: PLO 1, H: PLO 1
3.	Liên hệ, áp dụng được các kiến thức về cơ chế bệnh sinh và các rối loạn miễn dịch để xử lý tình huống, giải quyết các vấn đề bệnh lý trong trong chăm sóc người bệnh và tư vấn phòng bệnh.	S: PLO 2,11,13. H: PLO 1,3,4,6,7

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1: Đại cương miễn dịch 7. Khái niệm về miễn dịch 8. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên 9. Đáp ứng miễn dịch thu được	02	3, 5	1, 3
2	Bài 2: Hệ thống bổ thể 4. Đại cương 5. Quá trình hoạt hóa bổ thể 6. Điều hòa hoạt hóa bổ thể 7. Tác dụng sinh học của hoạt hóa bổ thể	02	3, 5	1, 3
3	Bài 3: Hệ thống miễn dịch 1. Khái niệm 2. Cơ quan miễn dịch trung ương 3. Cơ quan miễn dịch ngoại vi	02	3, 5	1, 3
4	Bài 4: Kháng nguyên, Kháng thể 1. Định nghĩa	02	3, 5	1, 3

	2. Đặc tính của kháng nguyên, kháng thể 3. Phân loại kháng nguyên và cấu trúc phân tử kháng thể 4. Lớp và dưới lớp của phân tử globulin miễn dịch. 5. Chức năng của phân tử kháng thể.			
5	Bài 5: Miễn dịch chống vi sinh vật 1. Khái quát về các cơ chế bảo vệ miễn dịch của người 2. Khái quát về các biện pháp né tránh của vi sinh vật 3. Đáp ứng miễn dịch chống vi khuẩn 4. Đáp ứng miễn dịch chống virus 5. Đáp ứng miễn dịch chống kí sinh trùng	02	4, 5	1, 3
6	Bài 6: Quá mẫn 1. Đại cương 2. Quá mẫn týp I 3. Quá mẫn týp II 4. Quá mẫn týp III 5. Quá mẫn týp IV	02	4, 5	1, 3
7	Bài 7: Thiếu năng miễn dịch 1. Đại cương 2. Thiếu năng miễn dịch bẩm sinh 3. Thiếu năng miễn dịch mắc phải	02	4, 5	1, 3
8	Bài 8: Tự miễn 1. Đại cương 2. Bệnh tự miễn	02	4, 5	1, 3
9	Bài 9: Đại cương sinh lý bệnh 1. Giới thiệu môn học 2. Khái niệm cơ bản	02	1, 5	2, 3

	3. Khái niệm về bệnh nguyên học 4. Khái niệm về bệnh sinh học			
10	Bài 10: Sinh lý bệnh quá trình viêm 1. Đại cương 2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm 3. Quan hệ giữa viêm với cơ thể	02	1, 5	2, 3
11	Bài 11: Rối loạn chuyển hóa nước-điện giải 1. Đại cương 2. Rối loạn chuyển hóa nước-điện giải	1.5	2, 5	2, 3
12	Bài 12: Rối loạn chuyển hóa glucid 1. Đại cương 2. Rối loạn chuyển hóa glucid	01	2, 5	2, 3
13	Bài 13: Sinh lý bệnh hệ hô hấp 1. Đại cương 2. Rối loạn hô hấp 3. Thiếu năng hô hấp và đói oxy	02	2, 5	2, 3
14	Bài 14: Sinh lý bệnh tạo máu 1. Đại cương 2. Rối loạn dòng hồng cầu 3. Rối loạn dòng bạch cầu 4. Rối loạn quá trình đông máu và chống đông máu.	03	2, 5	2, 3
15	Bài 15: Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn 1. Đại cương 2. Khả năng thích nghi của hệ tuần hoàn 3. Suy tim 4. Rối loạn hoạt động hệ mạch	02	2, 5	2, 3
16	Bài 16: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa 1. Đại cương 2. Rối loạn tiêu hóa ở dạ dày	02	2, 5	2, 3

	3. Rối loạn tiêu hóa ở ruột			
--	-----------------------------	--	--	--

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Kỹ thuật đánh giá miễn dịch đặc hiệu 1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả	04	3, 4, 5	1, 3
2	Bài 2: Kỹ thuật đánh giá miễn dịch không đặc hiệu 1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả	04	3, 4, 5	1, 3
3	Bài 3: Rối loạn miễn dịch thực nghiệm 1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả	04	3, 4, 5	1, 3
4	Bài 4: Sốc mất máu và truyền máu khác loài 1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả	04	3, 4, 5	1, 3
5	Bài 5: Sốc chấn thương 1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả	04	1, 2, 5	2, 3
6	Bài 6: Rối loạn hô hấp thực nghiệm 1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả	04	1, 2, 5	2, 3
7	Bài 7: Đọc tiêu bản máu	04	1, 2, 5	2, 3

	1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả			
8	Bài 8: Phân tích huyết đồ 1. Chuẩn bị 2. Tiến hành thí nghiệm 3. Phân tích kết quả	04	1, 2, 5	2, 3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

1.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm
- Sử dụng các đoạn phim video ngắn để minh họa.
- Hướng dẫn sinh viên viết và báo cáo semina chuyên đề

1.2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên theo dõi, đánh dấu từng mục tự học tương ứng với từng bài giảng trong chương trình để áp dụng làm bài tập hoặc viết bài thảo luận.
- Tham khảo tài liệu, chia nhóm thảo luận và viết chuyên đề theo chủ đề (chủ đề do cán bộ giảng phụ trách gợi ý viết, số chuyên đề phụ thuộc vào số lượng sinh viên của từng khóa học). Mỗi nhóm nộp lại cho Bộ môn quyền chuyên đề sau khi đã thống nhất về nội dung và hình thức trình bày. Giảng viên kiểm tra đánh giá quá trình tự học của sinh viên thông qua các bài tập và bài tham luận giao cho sinh viên trong quá trình học

2. Thực hành

2.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm

- Sử dụng các đoạn phim video ngắn để minh họa.
- Hướng dẫn cách xây dựng mô hình bệnh lý, thực hiện kỹ thuật.

2.2. Phương pháp học

Quan sát và thảo luận kết quả thí nghiệm về cơ chế bệnh sinh của từng bệnh lý cụ thể.

Thực hiện các kỹ thuật.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

Bảng, phấn, máy tính, projector, tranh, ảnh, video, câu hỏi phát vấn

2. Thực hành:

Bảng, phấn, tranh, ảnh, video, súc vật, dụng cụ, hóa chất, câu hỏi phát vấn.

V. Phương pháp lượng giá

- | | |
|----------------------------|-----------------------------------|
| 1. Lý thuyết: Câu hỏi ngắn | Số bài kiểm tra giữa học phần: 01 |
| 2. Thực hành: Vấn đáp | Số bài kiểm tra giữa học phần: 01 |

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	- Vắng không lý do: Trừ 0,5 điểm/tiết học - Vắng có phép hợp lệ: Trừ 0,5 điểm/2 tiết học - Đi học muộn Trừ 0,5 điểm//lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do)	1, 2, 3	10

Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0.1	Bài kiểm tra 1 tiết	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0.2	Bài kiểm tra 30 phút	Vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0.6	Bài thi 60 phút, tổ hợp từ ngân hàng đề (4 câu hỏi: 1 câu mức nhớ, 2 câu mức hiểu, 1 câu mức áp dụng)	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10

Công thức tính điểm:

Điểm học phần = ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 + ĐTH x 0,2 + ĐKTHP x 0,6

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm

đánh giá	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.4-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi, trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Tài liệu học tập:

- Bộ Y tế (2011), Sinh lý bệnh và miễn dịch, phần Miễn dịch, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế (2011), Sinh lý bệnh và miễn dịch, phần Sinh lý bệnh, Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y Thái Bình(1997), Bài giảng Sinh lý bệnh, Lưu hành nội bộ.
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2013), Tài liệu thực tập, Lưu hành nội bộ

2. Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Y Hà Nội (2014), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học.
- Học viện Quân Y (2011), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Quân đội.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2012), Sinh lý bệnh học, Nhà xuất bản Y học.
- Đỗ Trung Phần (2011), Bài giảng Huyết học truyền máu, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập với thứ tự nội dung như trên

VIII. Quy định đối với sinh viên

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

8.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2017	Trần Thị Vân Anh
2.	Lần 2	05/2019	Trần Thị Vân Anh
3.	Lần 3	05/2021	Trần Thị Vân Anh
4.	Lần 4	Năm 2023	Trần Thị Vân Anh
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS.BS. Trần Thị Vân Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: Dược lý - Độc chất -

Dược lâm sàng/ Khoa Dược

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: DƯỢC LÝ HỌC

Tên tiếng Việt: Dược lý học

Tên tiếng Anh: Pharmacology

Mã học phần: 3120PHARMA0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên ngành y học dự phòng (năm 3)
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	02 LT + 01TH 32 68 32 18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần:	02 01

Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	Hóa sinh; Vi sinh; Ký sinh trùng
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu; Sinh lý
Học phần song hành:	Sinh lý bệnh - Miễn dịch
Bộ môn giảng dạy:	Dược lý - Độc chất - Dược lâm sàng

2. Mô tả chung về học phần:

Môn học Dược lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác dụng, cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng, tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc phân theo tác dụng sinh lý - bệnh lý - điều trị học. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể hướng dẫn sử dụng thuốc và theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

Phần thực hành Dược lý học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đơn thuốc, các dạng bào chế của thuốc, một số thí nghiệm dược lý minh họa. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể đọc, hiểu đơn thuốc, kê đơn thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc đúng, an toàn, hợp lý.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Tô Thị Hồng Thịnh	Thạc sĩ	0975.522.749	tohongthinh@gmail.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Hồng Thiện	Tiến sĩ	0867.090.910	ngothien86@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Thị Châu Loan	Thạc sĩ	0974.857.330	chauloan.ytb@gmail.com	Tham gia
4.	Đinh Thị Tuyết Lan	Thạc sĩ	0962.607.328	tuyetlan.ytb@gmail.com	Tham gia
5.	Ngô Thị Duyên	Dược sĩ đại học	0987.370.669	ngoduyenytb@gmail.com	Tham gia
6.	Hà Thị Yến	Bác sĩ đa khoa	0374.348.983	hayen.mt@gmail.com	Tham gia

7.	Nguyễn Việt Khánh	Dược sĩ đại học	0379.445.809	khanhschalke04@gmail.com	Tham gia
8.	Nguyễn Thị Thu Hà	Cao đẳng xét nghiệm	0975.093.699	hanguyenytb@gmail.com	Tham gia
9.	Đặng Hồng Quân	Dược sĩ đại học	0766456262	Danghongquan.01@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được đặc điểm dược động học, tác dụng dược lý, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn và độc tính, áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm.	PEO 1, 3
2.	Phân tích được kết quả một số thí nghiệm dược lý và đưa ra được các ứng dụng tương ứng trên lâm sàng.	PEO 1, 3
3.	Đọc, hiểu và biết cách kê đơn thuốc theo quy chế hiện hành cho một tình huống lâm sàng cụ thể.	PEO 1, 3
4.	Nhận dạng được các dạng thuốc để có thể hướng dẫn dùng được cho bệnh nhân và kê đơn đúng.	PEO 1, 3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về đặc điểm dược động học,	S: PLO 6, 11 H: PLO 1

	được lực học của thuốc trong thực hành kê đơn và hướng dẫn sử dụng thuốc trên lâm sàng.	
2.	Hiểu được, kê đơn được theo quy chế hiện hành và hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc trong thực hành nghề nghiệp.	S: PLO 6, 10,11 H: PLO 1

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1: Đại cương dược động học	2	1. Giải thích được ý nghĩa của các nội dung nghiên cứu dược lý học liên quan đến dùng thuốc. 2. Phân tích được đặc điểm của các quá trình hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc và áp dụng tương ứng trong điều trị.	PLO 1, 10, 11
2	Bài 2: Đại cương dược lực học	2	1. Trình bày được các cơ chế tác dụng của thuốc, các cách tác dụng của thuốc và cho ví dụ minh họa. 2. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.	PLO 1, 10, 11

3	Bài 3: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật 1. Đại cương 2. Thuốc tác dụng trên hệ adrenergic 3. Thuốc tác dụng trên hệ cholinergic	2	1. Phân tích được cơ chế và đặc điểm tác dụng, áp dụng điều trị của thuốc tác dụng trên hệ adrenergic. 2. Phân tích được cơ chế và đặc điểm tác dụng, áp dụng điều trị của thuốc tác dụng trên hệ cholinergic.	PLO 1, 10, 11
4	Bài 4: Thuốc ngủ 1. Đại cương - Khái niệm - Cơ chế tác dụng - Phân loại 2. Các thuốc đại diện - Dẫn xuất của acid barbituric - Dẫn xuất benzodiazepin - Dẫn xuất khác	1	1. Phân loại được các thuốc gây ngủ nhóm barbiturat. 2. Phân tích được mối liên quan giữa cấu trúc hóa học và tác dụng; đặc điểm dược lý học, độc tính và hướng xử trí ngộ độc cấp các thuốc gây ngủ nhóm barbiturat. 3. Trình bày được đặc điểm dược lý học cơ bản của thuốc ngủ mới.	PLO 1, 10, 11
5	Bài 5: Thuốc an thần 1. Đại cương - Khái niệm - Phân loại 2. Thuốc an thần chủ yếu 3. Thuốc an thần thứ yếu	1	1. Phân loại và trình bày được đặc điểm cơ bản của thuốc an thần chủ yếu, an thần thứ yếu. 2. Trình bày được đặc điểm dược động học, tác dụng dược lý, tác dụng không mong muốn, và áp dụng điều trị của an thần chủ yếu (clopromazin, haloperidol, sulpirid và risperidon). 3. Trình bày được đặc điểm	PLO 1, 10, 11

			được động học, tác dụng được lý, tác dụng không mong muốn, áp dụng điều trị của dẫn xuất benzodiazepin.	
6	Bài 6: Thuốc giảm đau gây ngủ 1. Đại cương 2. Morphin 3. Các opioid khác 4. Thuốc đối kháng trên receptor opioid	2	1. Trình bày được liên quan giữa cấu trúc hóa học với tác dụng của morphin. 2. Trình bày được đặc điểm được động học, tác dụng được lý, tác dụng không mong muốn, độc tính và cách tiếp cận xử trí ngộ độc cấp tính morphin, áp dụng điều trị của morphin 3. Trình bày được đặc điểm tác dụng, được động học, tác dụng không mong muốn và áp dụng điều trị của các opioid. 4. Trình bày đặc điểm tác dụng, được động học, tác dụng không mong muốn và áp dụng điều trị của các thuốc đối kháng với opioid.	PLO 1, 10, 11
7	Bài 7: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm 1. Đại cương - Tác dụng chính và cơ chế - Tác dụng không mong muốn - Nguyên tắc chung khi sử dụng	2	1. Trình bày được các tác dụng chính, cơ chế của thuốc CVKS. 2. Phân tích được tác dụng không mong muốn từ đó đưa ra nguyên tắc sử dụng thuốc	PLO 1, 10, 11

	thuốc CVPS 2. Các dẫn xuất đại diện		CVKS. 3. Trình bày phân loại các nhóm thuốc CVKS. 4. Trình bày dược động học, tác dụng dược lý, TDKMM và áp dụng điều trị của các thuốc đại diện (aspirin, oxicam, ức chế ưu tiên COX2, paracetamol).	
8	Bài 8: Thuốc kháng sinh 1. Đại cương - Định nghĩa - Cơ chế tác dụng chung - Phân loại 2. Các nhóm kháng sinh đại diện 3. Một số lưu ý trong sử dụng kháng sinh	4	1. Trình bày được cơ chế tác dụng chung và phân loại thuốc kháng sinh. 2. Phân tích được đặc điểm dược động học, cơ chế và phổ tác dụng, TDKMM, áp dụng lâm sàng của kháng sinh nhóm beta - lactam. 3. Trình bày được đặc điểm dược động học, cơ chế và phổ tác dụng, TDKMM, ADLS của kháng sinh nhóm aminosid, tetracyclin, macrolid, lincosamid, phenicol. 4. Trình bày được đặc điểm dược động học, cơ chế và phổ tác dụng, TDKMM, ADLS của kháng sinh nhóm quinolon, 5-nitro-imidazol, sulfamid kháng khuẩn. 5. Trình bày các nguyên tắc	PLO 1, 10, 11

			chung trong sử dụng kháng sinh.	
9	Bài 9: Thuốc chống nấm, lao 1. Thuốc chống nấm - Phân loại - Thuốc đại diện 2. Thuốc chống lao - Thuốc chống lao nhóm 1 - Thuốc chống lao nhóm 2	2	1. Trình bày được phân loại và cơ chế của các thuốc chống lao 2. Phân tích được đặc điểm dược động học, cơ chế và phổ tác dụng, TDKMM, áp dụng lâm sàng của các thuốc chống lao.	PLO 1, 10, 11
10	Bài 10: Thuốc điều trị tăng huyết áp 1. Đại cương 2. Các nhóm thuốc chính - Thuốc ức chế men chuyển - Thuốc chẹn kênh calci - Thuốc giãn mạch trực tiếp - Thuốc hủy giao cảm	2	1. Phân loại được các thuốc điều trị tăng huyết áp 2. Phân tích được đặc điểm dược động học, tác dụng và cơ chế, áp dụng điều trị của thuốc ức chế men chuyển và thuốc chẹn kênh calci 3. Giải thích được cơ chế tác động của một số thuốc khác trong điều trị tăng huyết áp (thuốc giãn mạch trực tiếp, thuốc hủy giao cảm).	PLO 1, 10, 11
11	Bài 11: Vitamin 1. Đại cương 2. Một số vitamin tan trong nước 3. Một số vitamin tan trong dầu	2	1. Trình bày được tác dụng và cơ chế, triệu chứng thiếu, áp dụng lâm sàng của các vitamin tan trong nước (B1, C). 2. Trình bày được tác dụng và cơ chế, triệu chứng thiếu - thừa, áp dụng lâm sàng của các vitamin tan trong dầu (A,	PLO 1, 10, 11

			D).	
12	Bài 12: Thuốc chữa thiếu máu - Đại cương - Một số thuốc chữa thiếu máu - Sắt - Vitamin B₁₂ - Acid folic - Erythropoietin	1	- Phân tích được đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng không mong muốn và độc tính, áp dụng điều trị của sắt. - Trình bày được đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng không mong muốn áp dụng điều trị của thuốc kích thích sinh tế bào máu (vitamin B₁₂, acid folic, erythropoietin, thrompoietin...).	PLO 1, 10, 11
13	Bài 13: Thuốc điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng - Đại cương - Các thuốc - Thuốc kháng acid - Thuốc giảm tiết HCl và pepsin - Thuốc khác	2	- Phân loại được thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng. - Phân tích được cơ chế và tác dụng, TDKMM và áp dụng điều trị của thuốc kháng acid tác dụng tại chỗ. - Phân tích được cơ chế và tác dụng, dược động học, TDKMM và áp dụng điều trị của các thuốc kháng H₂ và thuốc ức chế bơm proton. - Trình bày đặc điểm tác dụng của các thuốc diệt HP và các thuốc bảo vệ dạ dày.	PLO 1, 10, 11
14	Bài 14. Thuốc chống sốt rét	2	Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng không mong muốn và áp	PLO 1, 10, 11

			dụng điều trị của quinin. 2. Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng không mong muốn và áp dụng điều trị của chloroquin.	
15	Bài 15: Hormon - Đại cương - Các thuốc - Hormon thụ sau tuyến yên (Oxytocin) - Hormon vỏ thượng thận - Hormon sinh dục	2	- Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng không mong muốn và áp dụng điều trị của oxytocin. - Phân tích được cơ chế và tác dụng, tác dụng không mong muốn của glucocorticoid. - Phân tích được đặc điểm dược động học, chỉ định, chống chỉ định và áp dụng điều trị của glucocorticoid trên lâm sàng. - Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng không mong muốn và áp dụng điều trị của các hormon sinh dục (androgen, progesteron, estrogen).	PLO 1, 10, 11
16	Bài 16: Thuốc kháng virus	2	- Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng không mong muốn và áp dụng điều trị của thuốc điều trị herpes. - Trình bày đặc điểm dược động học, tác dụng, tác dụng	PLO 1, 10, 11

			không mong muốn và áp dụng điều trị của thuốc điều trị HIV.	
17	Bài 17: Điều trị ngộ độc thuốc cấp tính 1. Đại cương 2. Phương pháp chung trong điều trị ngộ độc thuốc cấp tính 3. Một số thuốc giải độc đặc hiệu	1	1. Trình bày được phương pháp chung chữa ngộ độc thuốc cấp tính. 2. Trình bày tác dụng và cơ chế, chỉ định, liều dùng một số thuốc giải độc đặc hiệu (pralidoxim, dimecaprol, EDTA, naloxon, flumazenil, deferoxamin)	PLO 1, 10, 11

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: 1. Đơn thuốc và thành phần của đơn thuốc 2. Các dạng thuốc	4	1. Đọc, hiểu được đơn thuốc và thành phần của đơn thuốc 2. Nhận thức được các dạng thuốc (uống, tiêm truyền, nhỏ/tra mắt, dùng ngoài)	PLO 1, 10, 11
2	Bài 2: 1. Thí nghiệm: - Thử tác dụng của adrenalin, acetylcholin và atropin trên tim 2. Kê đơn điều trị ngoại trú: - Điều trị mất ngủ (người lớn/phenobarbital, diazepam) - Xử trí giảm đau, chống choáng/	4	1. Giải thích được kết quả thí nghiệm và các ứng dụng lâm sàng. 2. Vận dụng được các đặc điểm dược lý học của các thuốc và hiểu được quy chế kê đơn hiện hành (Đơn thuốc	PLO 1, 10, 11

	Bệnh nhân shock do gãy xương đùi - Xử trí sốt cao, co giật (trẻ 3 tuổi)		“H”, Đơn thuốc “N”) để thực hành kê đơn thuốc trong một số tình huống lâm sàng cụ thể	
	Bài 3: 1. Thí nghiệm: - Thử tác dụng của pilocarpin và atropine trên đồng tử 2. Kê đơn điều trị ngoại trú: - Điều trị đau dây thần kinh tọa - Điều trị viêm quanh thân răng - Điều trị thấp tim cấp	4	1. Giải thích được kết quả thí nghiệm và các ứng dụng lâm sàng. 2. Vận dụng được các đặc điểm dược lý học của các thuốc và hiểu được quy chế kê đơn hiện hành để thực hành kê đơn thuốc trong một số tình huống lâm sàng cụ thể (đau dây thần kinh tọa, viêm quanh thân răng, thấp tim cấp)	PLO 1, 10, 11
	Bài 4: 1. Thí nghiệm - Thử tác dụng của morphin và nikethamid/ hô hấp 2. Kê đơn điều trị ngoại trú: - Điều trị viêm phổi (người lớn) - Điều trị viêm tủy xương - Điều trị thương hàn (người lớn)	4	1. Giải thích được kết quả thí nghiệm và các ứng dụng lâm sàng 2. Vận dụng được các đặc điểm dược lý học của các thuốc và hiểu được quy chế kê đơn hiện hành để thực hành kê đơn thuốc trong một số tình huống lâm sàng cụ thể (một số bệnh lý nhiễm khuẩn)	PLO 1, 10, 11
	Bài 5: 1. Thí nghiệm:	4	1. Giải thích được kết quả thí nghiệm và các	PLO 1, 10, 11

	- Thử tác dụng phòng và chống co giật của phenobarbital 2. Kê đơn điều trị ngoại trú: - Xử trí cơn đau thắt ngực (người lớn) - Xử trí cơn tăng huyết áp khẩn cấp (người lớn) - Điều trị tăng huyết áp (người lớn)		ứng dụng lâm sàng. 2. Vận dụng được các đặc điểm dược lý học của các thuốc và hiểu được quy chế kê đơn hiện hành để thực hành kê đơn thuốc trong một số tình huống lâm sàng cụ thể (một số bệnh lý tim mạch)	
	Bài 6: 1. Thí nghiệm - Thử tác dụng lợi niệu của furosemid 2. Kê đơn điều trị ngoại trú: - Điều trị lỵ amip cấp (người lớn) - Tẩy giun đũa (mebendazol/ albendazol) - Tẩy sán lá ruột (người lớn) - Điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng (HP(+))	4	1. Giải thích được kết quả thí nghiệm và các ứng dụng lâm sàng. 2. Vận dụng được các đặc điểm dược lý học của các thuốc và hiểu được quy chế kê đơn hiện hành để thực hành kê đơn thuốc trong một số tình huống lâm sàng cụ thể (lỵ amip cấp, sán lá ruột, thấp tim cấp, viêm loét dạ dày – tá tràng (HP(+)))	PLO 1, 10, 11
	Bài 7: 1. Dạng thuốc: - Nhận dạng các dạng thuốc (theo thể chất, đường dùng) - Đọc, hiểu được thông tin trên nhãn thuốc 2. Kê đơn điều trị ngoại trú:	4	1. Nhận dạng được các dạng thuốc và đọc, hiểu được thông tin trên nhãn thuốc. 2. Vận dụng được các đặc điểm dược lý học của các thuốc và hiểu	PLO 1, 10, 11

	- Điều trị suy tim (dùng digoxin) - Điều trị viêm âm đạo do nấm candida albican		được quy chế kê đơn hiện hành để thực hành kê đơn thuốc trong một số tình huống lâm sàng cụ thể (suy tim, viêm âm đạo do nấm candida albican)	
	Bài 8: Ôn tập; Kiểm tra.	4	Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học và kiểm tra	PLO 1, 10, 11

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

Thuyết trình/phát vấn, dạy học dựa trên tình huống lâm sàng và thảo luận nhóm;

2. Thực hành:

Thuyết trình, phát vấn.

Dạy học dựa trên tình huống lâm sàng và hình ảnh trực quan (qua slide ảo).

Thảo luận nhóm.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Phương tiện: bảng, phấn, máy tính, projector

- Vật liệu dạy học: hình vẽ, sơ đồ, case lâm sàng, câu hỏi phát vấn.

2. Thực hành:

- Phương tiện: bảng, phấn, máy tính, projector.

- Vật liệu dạy học: động vật, dụng cụ, hóa chất, mô hình thí nghiệm, đơn thuốc mẫu, mẫu vật (dạng thuốc), câu hỏi phát vấn, bảng kiểm.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	--------------------	-------------------	-------------------	-------------

Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1		Theo quy chế đào tạo			10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	01	Viết (trả lời câu hỏi ngắn)	≥ 4.0	1	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	01	Viết (trả lời câu hỏi ngắn)	≥ 4.0	2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	01	Viết (trả lời câu hỏi ngắn)	≥ 4.0	1 và 2	10

Công thức tính điểm:

Tổng điểm: $(\text{ĐCC} \times 0,1) + (\text{ĐGHP} \times 0,1) + (\text{ĐTH} \times 0,2) + (\text{ĐKTHP} \times 0,6)$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Đào Văn Phan (2012), *Dược lý học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

Giáo trình thực hành Dược lý (tài liệu lưu hành nội bộ).

2. Tài liệu tham khảo:

Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2007), *Dược lý học, tập 1, 2*, Nhà xuất bản Y học.

Hoàng Thị Kim Huyền (2012), *Dược động học*, Nhà xuất bản Y học.

Hoàng Thị Kim Huyền (2006), *Dược lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Dược lâm sàng - Những nguyên lý cơ bản trong sử dụng thuốc và điều trị, tập 1, 2*, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Giảng viên
1	Bài 1: Đại cương dược động học	2	ThS Đinh Thị Tuyết Lan
2	Bài 1: Đại cương dược lực học	2	ThS Đinh Thị Tuyết Lan
3	Bài 3: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật	2	ThS Nguyễn Thị Châu Loan
4	Bài 4: Thuốc ngủ	1	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
5	Bài 5: Thuốc an thần	1	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
6	Bài 6: Thuốc giảm đau gây ngủ	2	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
7	Bài 7: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm	2	ThS Nguyễn Thị Châu Loan
8	Bài 8: Thuốc kháng sinh	4	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
9	Bài 9: Thuốc chống nấm, lao, phong	2	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
10	Bài 10: Thuốc điều trị tăng huyết áp	2	ThS Ngô Thị Duyên
11	Bài 11: Vitamin	2	ThS Nguyễn Thị Châu Loan
12	Bài 12: Thuốc chữa thiếu máu	1	ThS Ngô Thị Duyên
13	Bài 13: Thuốc điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng	2	ThS Đinh Thị Tuyết Lan
14	Bài 14: Thuốc chống sốt rét	2	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
15	Bài 15: Hormon	2	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
16	Bài 16: Thuốc kháng virus	2	ThS Nguyễn Thị Châu Loan
17	Bài 17: Điều trị ngộ độc thuốc cấp tính	1	ThS Ngô Thị Duyên
	Tổng:	32	

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Tên giảng viên
-----	---------	---------	----------------

1	Bài 1	4	ThS Tô Thị Hồng Thịnh
2	Bài 2	4	ThS Đinh Thị Tuyết Lan
3	Bài 3	4	DS Nguyễn Việt Khánh
4	Bài 4	4	DS Hà Thị Yến
5	Bài 5	4	ThS Ngô Thị Duyên
6	Bài 6	4	DS Hà Thị Yến
7	Bài 7	4	ThS Đinh Thị Tuyết Lan
8	Bài 8	4	ThS Ngô Thị Duyên
	Tổng:	32	

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: đọc cuốn sổ tay “Học viên - Sinh viên những điều cần biết năm 2019” của trường Đại học Y Dược Thái Bình.’

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4.0 (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương chi tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	2023	
4.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN DƯỢC LÝ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Ký sinh trùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Ký sinh trùng

Tên tiếng Anh: Parasite

Mã học phần: 3120PARASIT

Ngành: Y HỌC DỰ PHÒNG

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	4
Số tiết Lý thuyết:	30
Thảo luận :	15
Số giờ tự học:	55
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	48
Thảo luận:	10
Số giờ tự học:	5
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	
Giữa học phần:	01
Thực hành	01

Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	Sinh học và di truyền, giải phẫu, mô phôi, Sinh lý, hóa sinh, huyết học, sinh lý bệnh
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu, mô phôi, Sinh lý
Học phần song hành:	Vi sinh, Sinh lý bệnh- Miễn dịch
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Ký sinh trùng

2. Mô tả chung về học phần:

Bệnh ký sinh trùng phổ biến ở khu vực có khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới, nơi đông dân cư với mức sống thấp hoặc trung bình. Tuy nhiên, bệnh thường có diễn biến thầm lặng nên thường không được các nhà lâm sàng chú ý và do đó, bệnh không được chẩn đoán sớm. Về lâu dài, bệnh ký sinh trùng gây nên hậu quả nặng nề cho người bệnh. Môn học ký sinh trùng cung cấp cho người học các kiến thức về đặc điểm sinh học, tác hại của các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp và sự phân bố của bệnh ký sinh trùng. Từ đó, người học sẽ có kiến thức tốt giúp cho chẩn đoán xác định và điều trị bệnh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Thị Bình Phương	Tiến sỹ	0947073894	binhphuongytb@gmail.com	Phụ trách
2.	Nguyễn Thị Nga	Thạc sỹ	0976139523	nguyenngadhytb@gmail.com	Tham gia
3.	Hoàng Thị Út Trà	Thạc sỹ	0934564808	uttradhytb@gmail.com	Tham gia
4.	Trịnh Thị Thúy	Thạc sỹ	0979634267	Thuy.ytb87@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng các đặc điểm sinh học, sinh lý và sinh thái	PEO 1,2

	của ký sinh trùng để phân tích đặc điểm dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng	
2.	Vận dụng các đặc điểm sinh học, sinh lý và sinh thái của ký sinh trùng để giải thích các tác hại do ký sinh trùng gây ra cho cơ thể vật chủ	PEO 1,2
3.	Giải thích được các nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh ký sinh trùng	PEO 1,2
4.	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng	PEO 1,2,3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng kiến thức đã học về ký sinh trùng, và bệnh ký sinh trùng trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của người bệnh, cộng đồng và trong thực hành nghề nghiệp	S: PLO 1 H: PLO 6
2.	Tham gia, đề xuất được các biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng tại cộng đồng	H: PLO 13,14

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. ĐẠI CƯƠNG KÝ SINH TRÙNG Y HỌC	02	1. Trình bày được các khái niệm cơ bản: ký sinh trùng, vật chủ, chu kỳ phát triển 2. Phân tích được tác hại của ký sinh trùng gây ra cho cơ thể vật chủ	PLO 1,6,13, 14

			3. Trình bày được phân loại ký sinh trùng	
2	Bài 2. BỆNH KÝ SINH TRÙNG	02	1. Phân tích được các đặc điểm của bệnh ký sinh trùng 2. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của bệnh ký sinh trùng 3. Lý giải được nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh ký sinh trùng	PLO 1,6,13, 14
3	Bài 3. GIUN KÝ SINH <i>(Giun đũa, giun tóc, giun móc/mỏ, giun kim, giun lươn, giun xoắn, giun chỉ)</i>	04	1. Trình bày được đặc điểm sinh học của giun đũa, giun tóc, giun móc/mỏ, giun kim, giun lươn, giun xoắn, giun chỉ 2. Phân tích được đặc điểm dịch tễ bệnh giun đũa, giun tóc, giun móc/mỏ, giun kim, giun lươn, giun xoắn, giun chỉ 3. Giải thích được tác hại của giun đũa, giun tóc, giun móc/mỏ, giun kim, giun lươn, giun xoắn, giun chỉ 4. Trình bày được phương pháp chẩn đoán, điều trị và các biện pháp phòng bệnh	PLO 1,6,13, 14
4	Bài 4. SÁN KÝ SINH	04	1. Trình bày được đặc điểm	PLO

	(Sán lá gan nhỏ, sán lá ruột lớn, sán lá phổi, sán dây lợn/sán dây bò)		sinh học của một số loài sán lá ký sinh và gây bệnh cho người 2. Phân tích được đặc điểm dịch tễ một số bệnh sán lá 3. Giải thích được tác hại của một số loài sán lá ký sinh và gây bệnh cho người 4. Trình bày được phương pháp chẩn đoán, điều trị và các biện pháp phòng bệnh	1,6,13, 14
5	Bài 5. ĐƠN BÀO KÝ SINH <i>(E.histolytica, G.intestinalis, T.vaginalis, B.coli)</i>	04	1. Phân tích được đặc điểm sinh học của một số đơn bào gây bệnh thường gặp 2. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh đơn bào 3. Trình bày tác hại của một số loại đơn bào gây bệnh cho người thường gặp 4. Trình bày nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và các biện pháp phòng bệnh đơn bào	PLO 1,6,13, 14
6	Bài 6: KÝ SINH TRÙNG SỐT RÉT VÀ BỆNH SỐT RÉT <i>(Plasmodium spp. and Malaria)</i>	04	1. Mô tả được đặc điểm sinh học của các loài ký sinh trùng sốt rét của người. 2. Giải thích được các triệu chứng lâm sàng của bệnh	PLO 1,6,13, 14

			dựa trên kiến thức về đặc điểm sinh học của các loại ký trùng sốt rét 3. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của bệnh sốt rét ở Việt Nam 4. Phân tích nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và phòng chống sốt rét	
7	Bài 7. VI NẤM Y HỌC	04	1. Trình bày được đặc điểm chung của vi nấm y học 2. Phân tích được vai trò y học của một số vi nấm gây bệnh thường gặp 3. Trình bày được nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và các biện pháp phòng bệnh vi nấm.	PLO 1,6,13, 14
8	Bài 8. TIẾT TÚC Y HỌC	04	1. Phân loại sơ bộ được một số tiết túc gây bệnh và truyền bệnh thường gặp 2. Trình bày được đặc điểm sinh thái của một số tiết túc gây bệnh và truyền bệnh thường gặp ở Việt Nam 3. Trình bày vai trò y học của một số tiết túc gây bệnh và truyền bệnh thường gặp ở Việt Nam 4. Phân tích được các	PLO 1,6,14

			nguyên tắc và biện pháp phòng chống tiết túc	
9	Bài 9. BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT SANG NGƯỜI (ZOO NOTIC)	02	1. Phân biệt được các loại bệnh động vật ký sinh 2. Phân tích khả năng gây bệnh trên người của những ký sinh trùng lây truyền từ động vật sang người. 3. Trình bày được nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và các biện pháp phòng bệnh động vật ký sinh	PLO 1,6,14

3. Thực hành

ST T	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1. HÌNH THỂ TRÚNG, ẤU TRÙNG VÀ GIUN TRƯỞNG THÀNH GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP	4	1. Mô tả được hình thể một số mầm bệnh giun gây bệnh thường gặp 2. Soi, phát hiện được một số mầm bệnh giun gây bệnh thường gặp trên tiêu bản	1
2	Bài 2. HÌNH THỂ TRÚNG, ẤU TRÙNG VÀ SÁN TRƯỞNG THÀNH GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP	4	1. Mô tả được hình thể một số mầm bệnh sán gây bệnh thường gặp 2. Soi, phát hiện được một số mầm bệnh sán gây bệnh thường gặp trên tiêu bản	1
3	Bài 3. HÌNH THỂ ĐƠN BÀO- XÉT NGHIỆM MÁU	4	1. Mô tả được hình thể một số mầm bệnh đơn bào gây bệnh thường gặp	1

			2. Soi, phát hiện được một số mầm bệnh đơn bào gây bệnh thường gặp trên tiêu bản 3. Làm được tiêu bản giọt máu đàn, giọt máu đặc	
4	Bài 4. NHUỘM MÁU – HÌNH THỂ ẤU TRÙNG GIUN CHỈ - HÌNH THỂ TIẾT TÚC	4	1. Nhuộm được tiêu bản máu bằng phương pháp nhuộm Giemsa 2. Soi, quan sát được ấu trùng giun chỉ trên tiêu bản 3. Soi, quan sát một số tiết túc gây bệnh và truyền bệnh thường gặp ở Việt Nam	1
5	Bài 5. XÉT NGHIỆM PHÂN	4	1. Làm được kỹ thuật xét nghiệm phân theo phương pháp trực tiếp và Willis 2. Soi, phát hiện được một số mầm bệnh trên tiêu bản xét nghiệm phân theo phương pháp trực tiếp và Willis	1
6	Bài 6. HÌNH THỂ KÝ SINH TRÙNG SỐT RÉT	8	1. Mô tả được hình thể các loài <i>Plasmodium</i> gây bệnh cho người 2. Soi, phát hiện được <i>Plasmodium falciparum</i> và <i>Plasmodium vivax</i> trên tiêu bản	1
7	Bài 7. HÌNH THỂ KÝ SINH	8	1. Mô tả được hình thể các	1

	TRÙNG SỐT RÉT		loài <i>Plasmodium</i> gây bệnh cho người 2. Soi, phát hiện được <i>Plasmodium falciparum</i> và <i>Plasmodium vivax</i> trên tiêu bản	
8	Bài 8. KỸ THUẬT MÔ MUỖI	4	1. Trình bày được cách định loại muỗi 2. Trình bày được cách định hệ Sella muỗi 3. Làm được kỹ thuật mô muỗi	1
9	Bài 9. HÌNH THỂ NẤM	4	1. Mô tả được hình thể một số vi nấm gây bệnh thường gặp 2. Soi, phát hiện được một số vi nấm gây bệnh thường gặp trên tiêu bản	1
10	Bài 10. XÉT NGHIỆM NẤM	4	1. Trình bày được nguyên tắc xét nghiệm phát hiện vi nấm 2. Làm được kỹ thuật xét nghiệm trực tiếp và nuôi cấy phát hiện vi nấm	1
11	Bài 11. XÉT NGHIỆM RAU, QUẢ TÌM MÀM BỆNH KÝ SINH TRÙNG	4	1. Trình bày được nguyên tắc xét nghiệm phát hiện mầm bệnh ký sinh trùng 2. Làm được kỹ thuật xét nghiệm theo phương pháp Đặng Văn Ngữ và	1

			Romanenko 3. Soi, phát hiện mầm bệnh trên tiêu bản làm theo phương pháp Đặng Văn Ngữ và Romanenko	
12	Bài 12. XÉT NGHIỆM ĐẤT, NƯỚC TÌM MẦM BỆNH KÝ SINH TRÙNG	4	1. Trình bày được nguyên tắc xét nghiệm phát hiện mầm bệnh ký sinh trùng 2. Làm được kỹ thuật xét nghiệm theo phương pháp Đặng Văn Ngữ, Romanenko, lắng cặn 3. Soi, phát hiện mầm bệnh trên tiêu bản làm theo phương pháp Đặng Văn Ngữ và Romanenko, lắng cặn	1

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

- Dạy học tích cực, lấy sinh viên làm trung tâm.
- Sinh viên cần chuẩn bị bài trước bằng cách đọc bài tại các tài liệu theo hướng dẫn của bộ môn và của giảng viên.
- Sinh viên chủ động thảo luận, trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.
- Giảng viên thuyết trình, giải thích các vấn đề cần thiết, then chốt.

2. Thực hành

Tại phòng thực hành

- Giảng viên, kỹ thuật viên hướng dẫn kỹ thuật dựa trên bảng kiểm, cách soi tiêu bản, đọc và nhận định kết quả xét nghiệm.
- Sinh viên tự làm kỹ thuật dựa trên bảng kiểm.
- Sinh viên soi, đọc và nhận định kết quả xét nghiệm chẩn đoán xác định một số bệnh ký sinh trùng thường gặp.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Tài liệu học tập, kế hoạch bài giảng, Powerpoint, bảng, phấn

2. Thực hành: Bảng kiểm, bảng, phấn, kính hiển vi, lam kính, lá kính, hóa chất .

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1		Theo quy chế đào tạo	- Thực hiện nội quy - Tham dự lớp - Chuẩn bị bài, làm bài tập		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	01	Thi viết	≥ 4	1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	01	Thi chạy trạm	≥ 4	1,2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	01	Thi viết	≥ 4	1,2	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm HP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,6$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0

Nghỉ học có phép	0,25
Nghỉ học không phép	0,5
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ và đúng các câu hỏi, trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo**1. Tài liệu học tập**

- Bộ môn Ký sinh trùng - Đại học Y Dược Thái Bình (2007), *Ký sinh trùng và côn trùng y học nhiệt đới*, Nhà xuất bản y học.

2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Đề, Phạm Văn Thân (2012), *Ký sinh trùng y học*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
2. Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái (2018), *Thực hành Ký sinh trùng*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
3. Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái (2017), *Ô nhiễm ký sinh trùng đường ruột trên rau, củ, quả*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
4. Viện sốt rét – ký sinh trùng – côn trùng trung ương (2013), *cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
5. Phạm Song (1994), *Lâm sàng và điều trị sốt rét*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
6. Burton J. Bogitsh, Clint E. Carter, Homas N. Oeltmann (2013), *Human parasitology*, fourth edition, Academic Press is an imprint of Elsevier.

7. Alan Gunn, Sarah J. Pitt (2012), *Parasitology, An Integrated Approach* (2012), A John Wiley & Sons, Ltd. Publication.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học
- Chuẩn bị bài và hoàn thành các bài tập được giao trước khi đến lớp
- Tham gia tích cực và chủ động các hoạt động học tập theo nhóm
- Chấp hành mọi nội qui, qui chế của nhà trường và bộ môn

2. Quy định điều kiện dự thi

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số tiết học lý thuyết và tất cả các bài thực hành trong học phần

- Thời gian nghỉ học lý thuyết (nếu có) phải có lý do hợp lệ và có điểm kiểm tra giữa học phần đạt yêu cầu theo quy định.

- Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được tham

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	5/2019	Vũ Thị Bình Phương
2.	Lần 2	5/2021	Vũ Thị Bình Phương
3.	Dự kiến	5/2023	Vũ Thị Bình Phương
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bộ môn: Điều dưỡng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Điều dưỡng cơ bản

Tên tiếng Anh: Basic nursing

Mã học phần: 3120BASNRS0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

1. HÀNH CHÍNH

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	SV Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 2 (1LT, 1TH) Số tiết Lý thuyết: 15 Số tiết Thực hành: 30 Số giờ tự học: 65	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 01 Kết thúc học phần: 01	
Học phần học trước:	Giải phẫu
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu, sinh lý

Học phần song hành:	Kỹ năng giao tiếp
Bộ môn:	Điều dưỡng cơ bản

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Điều dưỡng cơ bản là một trong các môn học nằm trong chương trình đào tạo bác sĩ y học dự phòng. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận chung về điều dưỡng và các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trong thực hành điều trị, chăm sóc người bệnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam. Các kỹ thuật Điều dưỡng được trình bày theo quy trình chi tiết, cụ thể và logic, có đánh số thứ tự các quy trình giống như một bảng kiểm giúp cho sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn. Ngoài ra học phần này cũng chú trọng đến các kỹ năng chăm sóc và xử trí các trường hợp lâm sàng cụ thể, đó là những kỹ năng thực hành cơ bản và cần thiết khi chăm sóc người bệnh. Ngoài phần bài giảng, các kỹ thuật Điều dưỡng còn được minh họa bằng các hình ảnh giúp sinh viên tiếp thu một cách trực quan và dễ hiểu hơn.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thái Phúc	Tiến sĩ	0912381715	phuctbmu@gmail.com	Trưởng bộ môn
2.	Phạm Thị Nga	Thạc sĩ	0366677495	phamthingatb84@gmail.com	Tham gia
3.	Lương Đức Dũng	Thạc sĩ	0988683319	dungytb.luongduc@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Thị Nga	BSCCKII	0384477472	nguyenthingadhytb@gmail.com	Tham gia
5.	Trần Thị Hằng	Thạc sĩ	0989491360	tranhangdhy@gmail.com	Tham gia
6.	Tăng Thị Hảo	Thạc sĩ	0356844626	tangthihaoydtb@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Thị Dịu	Thạc sĩ	0985966266	diuytb@gmail.com	Tham gia
8.	Nguyễn Trọng Duynh	Thạc sĩ	0911249199	duynhtbmu2010@gmail.com	Tham gia
9.	Trần Thị Vân	ĐDCKI	0989120900	vantran206@gmail.com	Tham gia

10.	My Thị Hải	Thạc sĩ	0366908515	mythihai@gmail.com	Tham gia
11.	Lê Thị Hồng	Thạc sĩ	0395355243	Lethihong6591@gmail.com	Tham gia
12.	Nguyễn Thị Phượng	Thạc sĩ	0349803083	Ngphuong91ytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về giải phẫu, sinh lý để thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong thực hành lâm sàng. Vận dụng được các kiến thức điều dưỡng cơ bản nhất trong thực hành chăm sóc người bệnh cũng như kỹ năng chăm sóc xử trí các trường hợp lâm sàng cụ thể.	PEO 1
2.	Nhận thức được tầm quan trọng của các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản trong thực hành nghề nghiệp Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng chuyên nghiệp, có trách nhiệm với người bệnh	PEO 3,5
3.	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, phối hợp với thành viên trong nhóm để xử trí các tai biến có thể xảy ra trong thực hành điều dưỡng	PEO 4
4.	Thực hiện được các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản theo đúng quy trình dựa trên bảng kiểm và áp dụng trong thực hành chăm sóc người bệnh trên lâm sàng. Kết hợp với kỹ năng giao tiếp trong khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh	PEO 2

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được kiến thức y học cơ sở và chuyên ngành để thực hiện được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	H: PLO 1, 2,

2.	Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	H: PLO 7, 8,10
3.	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, phối hợp với thành viên trong nhóm để xử trí các tai biến có thể xảy ra trong thực hành điều dưỡng	S: PLO 12, 14
4.	Hiểu được vai trò, nhiệm vụ, chức năng của người điều dưỡng trong thực hành chăm sóc người bệnh	H: PLO 13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp ở mức độ cao cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1 : Nguyên tắc cơ bản khi tiêm thuốc 10. Khái niệm 11. Nguyên tắc khi tiêm thuốc cho người bệnh 12. Kỹ thuật làm test lấy da (thử phản ứng thuốc) 13. Phương tiện và phác đồ xử trí khi người bệnh bị sốc phản vệ	01	1. Nêu được khái niệm và nguyên tắc khi tiêm thuốc cho người bệnh. 2. Trình bày được kỹ thuật thử phản ứng thuốc cho người bệnh. 3. Trình bày được các thuốc, phương tiện và phác đồ cấp cứu người bệnh sốc phản vệ. 4. Vận dụng lý thuyết để xử trí cấp cứu phản vệ trên bệnh nhân giả định	1,2,3,4
2	Bài 2 : Kỹ thuật tiêm bắp 8. Định nghĩa 9. Vùng tiêm 10. Góc độ tiêm 11. Chỉ định 12. Chống chỉ định 13. Quy trình kỹ thuật tiêm bắp	01	1. Nêu được định nghĩa, vùng tiêm, góc độ tiêm, chỉ định và chống chỉ định của tiêm bắp. 2. Trình bày được quy trình kỹ thuật tiêm bắp. 3. Vận dụng kiến thức để có phương pháp phòng tránh và xử trí được các tai biến của tiêm bắp trên	1,2,3,4

	14. Tai biến tiêm bắp và cách đề phòng		bệnh nhân giả định.	
3	Bài 3 : Kỹ thuật tiêm trong da 1. Định nghĩa 2. Vùng tiêm 3. Góc độ tiêm 4. Chỉ định 5. Tai biến của tiêm trong da 6. Quy trình kỹ thuật tiêm trong da	0,5	1. Nêu được định nghĩa, vùng tiêm, góc độ, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của tiêm trong da 2. Trình bày được qui trình kỹ thuật tiêm trong da 3. Vận dụng được kiến thức để phòng tránh và xử trí được tai biến của tiêm trong da trên bệnh nhân giả định.	1,2,3,4
4	Bài 4 : Kỹ thuật tiêm dưới da 1. Định nghĩa 2. Vùng tiêm 3. Góc độ tiêm 4. Chỉ định 5. Chống chỉ định 6. Tai biến của tiêm dưới da 7. Quy trình kỹ thuật tiêm dưới da	0,5	1. Nêu được định nghĩa, vùng tiêm, góc độ, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của tiêm dưới da. 2. Trình bày được qui trình kỹ thuật tiêm dưới da. 3. Vận dụng được kiến thức để phòng tránh và xử trí được tai biến của tiêm dưới da trên bệnh nhân giả định.	1,2,3,4
5	Bài 5 : Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch 1. Định nghĩa 2. Vùng tiêm 3. Góc độ tiêm 4. Chỉ định 5. Chống chỉ định 6. Quy trình kỹ thuật	01	1. Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật tiêm tĩnh mạch. 2. Trình bày được qui trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch và nêu ý nghĩa nội dung các bước. 3. Giải thích được các tai biến có thể xảy ra trong quá trình tiêm tĩnh	1,2,3,4

	7. Tai biến của tiêm tĩnh mạch		mạch và cách xử trí.	
6	Bài 6 : Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch 1. Định nghĩa 2. Nguyên tắc truyền dịch vào đường tĩnh mạch 3. Chỉ định 4. Chống chỉ định 5. Các loại dung dịch thường dùng 6. Vùng truyền 7. Quy trình kỹ thuật	01	1. Nêu được định nghĩa, nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định, tên các loại dung dịch thường dùng và vị trí truyền dịch tĩnh mạch. 2. Trình bày được quy trình kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch cho người bệnh. 3. Vận dụng kiến thức đưa ra các biện pháp phòng tránh các tai biến có thể xảy ra trong quá trình truyền dịch và cách xử trí.	1,2,3,4
7	Bài 7 : Kỹ thuật hồi sinh tim phổi 1. Mục đích 2. Những điều cần chú ý 3. Quy trình kỹ thuật thổi ngạt 4. Quy trình kỹ thuật hồi sinh tim phổi	01	1. Trình bày được mục đích, những điểm cần lưu ý khi tiến hành kỹ thuật hồi sinh tim phổi. 2. Trình bày được quy trình kỹ thuật thổi ngạt. 3. Trình bày được quy trình kỹ thuật hồi sinh tim phổi. 4. Vận dụng kiến thức tiến hành hồi sinh tim phổi trên mô hình.	1, 2
8	Bài 8 : Kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn 1. Khái niệm về nhịp thở, mạch, huyết áp, thân nhiệt trung tâm và ngoại vi 2. Tần số thở, mạch, huyết áp, thân nhiệt bình thường của từng lứa tuổi	02	1. Trình bày được tần số thở, mạch, huyết áp, thân nhiệt bình thường. 2. Nêu được một số yếu tố làm thay đổi nhịp thở, mạch, huyết áp, nhiệt độ 3. Vận dụng được quy trình kỹ thuật theo dõi nhịp thở, mạch,	1,2,3,4

	3. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhịp thở, mạch, nhiệt độ, huyết áp 4. Quy tắc chung khi theo dõi dấu hiệu sinh tồn 5. Quy trình kỹ thuật		huyết áp, nhiệt độ cho người bệnh giả định.	
9	Bài 9: Kỹ thuật đặt ống thông dạ dày 1. Chỉ định 2. Chống chỉ định 3. Quy trình kỹ thuật 4. Biến chứng 5. Xử trí một số trường hợp bất thường	01	1. Nêu được chỉ định, chống chỉ định đặt ống thông dạ dày. 2. Thực hiện được quy trình đặt ống thông hút dịch dạ dày và nêu ý nghĩa. 3. Vận dụng kiến thức để đưa ra các biện pháp phòng tránh biến chứng và phương pháp xử lý một số trường hợp bất thường khi đặt ống thông dạ dày.	1,2,3,4
10	Bài 10 : Kỹ thuật cho người bệnh thở oxy 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân làm cho cơ thể bị thiếu oxy 3. Các dấu hiệu, triệu chứng của thiếu oxy máu 4. Các nguyên tắc khi tiến hành liệu pháp oxy 5. Các phương pháp thở oxy 6. Quy trình kỹ thuật thở oxy	02	1. Trình bày chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc cơ bản khi sử dụng biện pháp oxy. 2. Trình bày được quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy. 3. Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện kỹ thuật thở oxy và phân tích các tai biến, biến chứng trên bệnh nhân giả định.	1, 2
11	Bài 11 : Kỹ thuật băng 1. Băng cuộn	01	1. Trình bày được các kiểu băng cơ bản, nguyên tắc băng vết	1,2,3,4

	2. Băng tam giác 3. Băng có dải 4. Băng dính 5. Theo dõi biến đổi tuần hoàn chi sau băng		thương bằng băng cuộn. 2. Trình bày được các kỹ thuật băng vết thương ở các vùng trên cơ thể. 3. Vận dụng kiến thức để theo dõi tuần hoàn của chi sau băng cho bệnh nhân giả định.	
12	Bài 12 : Kỹ thuật thụt tháo 1. Mục đích 2. Chỉ định 3. Chống chỉ định 4. Quy trình kỹ thuật 5. Tai biến có thể gặp	01	1. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật thụt tháo đại tràng. 2. Trình bày được quy trình kỹ thuật thụt tháo đại tràng. 3. Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện được kỹ thuật thụt tháo đại tràng và phân tích các tai biến, biến chứng trên người bệnh giả định.	1, 2, 3
13	Bài 13 : Kỹ thuật thông tiểu 1. Chỉ định 2. Chống chỉ định 3. Quy trình kỹ thuật 4. Biến chứng	02	1. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định của kỹ thuật thông tiểu. 2. Trình bày được quy trình kỹ thuật thông tiểu lấy nước tiểu làm xét nghiệm và dẫn lưu nước tiểu. 3. Vận dụng kiến thức để phân tích tai biến, biến chứng và các lưu ý khi tiến hành thông tiểu trên bệnh nhân giả định.	1, 2, 3, 4
14	Bài 14 : Kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh 1. Đại cương 2. So sánh tác dụng của	01	1. Trình bày được mục đích, áp dụng và không áp dụng của chườm nóng và chườm lạnh. 2. Trình bày được quy trình kỹ	1,2

	chườm nóng, chườm lạnh 3. Kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh		thuật của chườm nóng, chườm lạnh. 3. Vận dụng kiến thức, xử trí được các tai biến xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật chườm trên người bệnh giả định.	
--	--	--	--	--

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn: đếm nhịp thở, đo huyết áp, đếm mạch, đo nhiệt độ 1. Kỹ thuật đếm nhịp thở 2. Kỹ thuật đo huyết áp 3. Kỹ thuật đếm mạch 4. Kỹ thuật đo nhiệt độ	04	1. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn 2. Áp dụng theo dõi và xử trí được tai biến trong quá trình đo dấu hiệu sinh tồn cho NB	PLO 1,6,7,8,9
2	Bài 2: Kỹ thuật tiêm bắp, kỹ thuật tiêm trong da, kỹ thuật tiêm dưới da 1. Kỹ thuật tiêm bắp 2. Kỹ thuật tiêm trong da 3. kỹ thuật tiêm dưới da	04	1. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiêm bắp, trong da, dưới da 2. Áp dụng theo dõi và xử trí được tai biến trong quá trình tiêm bắp, trong da, dưới da cho NB	PLO 1,6,7,8,9
3	Bài 3: Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch, kỹ thuật tiêm tĩnh mạch 1. Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch 2. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	04	1. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiêm, truyền dịch tĩnh mạch 2. Áp dụng theo dõi và xử trí được tai biến trong quá trình tiêm, truyền dịch tĩnh mạch	PLO 1,6,7,8,9

			cho NB	
4	Bài 4: Kỹ thuật cho người bệnh thở oxy 2. Kỹ thuật thở oxy qua gọng kính 3. Kỹ thuật thở oxy qua mặt nạ	04	1. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật thở oxy qua gọng kính, thở oxy qua mặt nạ 2. Áp dụng theo dõi và xử trí được tai biến trong quá trình thở oxy qua gọng kính, thở oxy qua mặt nạ cho NB	PLO 6,7,8,9
5	Bài 5: Kỹ thuật băng 1. Kỹ thuật băng đầu 2. Kỹ thuật băng vai 3. Kỹ thuật băng khuỷu 4. Kỹ thuật băng cẳng tay	04	1. Thực hành đúng quy trình Kỹ thuật băng đầu, băng vai, băng khuỷu, băng cẳng tay 2. Áp dụng theo dõi và xử trí được tai biến trong quá trình Kỹ thuật băng đầu, băng vai, băng khuỷu, băng cẳng tay cho NB	PLO 1,6,7,8,9
6	Bài 6: Kỹ thuật thông tiểu 1. Kỹ thuật thông tiểu nam dẫn lưu nước tiểu 2. Kỹ thuật thông tiểu nữ lấy nước tiểu xét nghiệm	04	1. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiểu nam dẫn lưu nước tiểu, thông tiểu nữ lấy nước tiểu xét nghiệm 2. Áp dụng theo dõi và xử trí được tai biến trong quá trình tiểu nam dẫn lưu nước tiểu, thông tiểu nữ lấy nước tiểu xét nghiệm cho NB	PLO 6,7,8,9
7	Bài 7: Kỹ thuật đặt ống thông dạ dày, kỹ thuật thụt tháo	04	1. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật đặt ống thông dạ dày,	PLO 1,6,7,8,9

	1. Kỹ thuật đặt ống thông dạ dày, hút dịch bằng bơm tiêm 2. Kỹ thuật thực tháo		thực tháo 2. Áp dụng theo dõi và xử trí được tai biến trong quá trình đặt ống thông dạ dày, thực tháo cho NB	
8	Bài 8: Thi thực hành	04		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống.
2. Thực hành:
 - + Hướng dẫn sinh viên thực hành mỗi kỹ thuật điều dưỡng.
 - + Sinh viên chia thành các nhóm nhỏ, thực hành dựa theo bảng kiểm.
 - + Giảng viên giám sát, hướng dẫn sinh viên.
 - + Giảng viên lượng giá, giải đáp thắc mắc, tổng kết cuối đợt thực hành.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy tính, máy chiếu Projector, giáo trình, hình ảnh, ...
2. Thực hành: mô hình, bảng kiểm các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, ...

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.	PLO6, 14,15	10
Điểm giữa	0,2	Thi test và	Thi	Điểm = (số	PLO1,2,	10

học phần (ĐGHP)		được quy đổi theo thang điểm 10	test	câu test trả lời đúng/tổng số test)x10	4	
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	Mỗi sinh viên phải chạy qua 3 trạm, mỗi trạm 1 kỹ thuật	Thi chạy trạm	Điểm = (tổng số điểm 3 trạm/3)x10	PLO4,7, 9	10
Điểm lý thuyết (ĐLT)	0,5	Thi test và được quy đổi theo thang điểm 10	Thi test	Điểm = (số câu test trả lời đúng/tổng số test)x10	PLO1,2, 4	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)		Tổng hợp các điểm thành phần.				10

Công thức tính điểm: ĐKTHP = 0,1 x ĐCC + 0,2 x ĐGHP + 0,2 ĐTH + 0,5 ĐLT

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm

đánh giá	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.4-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi, trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

1. Tô Đình Tân (2009), Điều dưỡng cơ bản Tập 1, Nhà xuất bản Y học
2. Tô Đình Tân (2009), Điều dưỡng cơ bản Tập 2, Nhà xuất bản Y học

2. Tài liệu tham khảo:

3. Đỗ Đình Xuân (2010), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Tập 1, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. Đỗ Đình Xuân (2010), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Tập 2, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đầy đủ đúng giờ
- Tuân thủ nội quy, quy định của bộ môn, các khoa trong bệnh viện

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết; 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), phải hoàn thành bài kiểm tra pretest theo quy định (nếu có) và phải có điểm thực hành, điểm kiểm tra giữa học phần (nếu có) phải đạt $\geq 3,0$ điểm mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	Nguyễn Thị Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Chẩn đoán hình ảnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Chẩn đoán hình ảnh

Tên tiếng Anh: Radiology

Mã học phần: 3120RADLGY0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

1. HÀNH CHÍNH

2. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	2 (1LT, 1TH) 16 34 36 14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	01 bài tự luận 01 bài thi test/01 bài thi thực hành

Học phần học trước:	Sinh hóa
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu
Học phần song hành:	Các môn y học cơ sở
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Chẩn đoán hình ảnh

3. Mô tả chung về học phần:

Cùng với sự phát triển cao của nền y học hiện đại, chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh ngày nay đạt được nhiều thành tựu vượt bậc với nhiều chuyên ngành hẹp như: X-quang quy ước, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ hạt nhân, X-quang mạch máu, ... đã hỗ trợ rất nhiều cho các nhà lâm sàng trong việc chẩn đoán cũng như là điều trị tốt nhất cho người bệnh.

4. Chẩn đoán hình ảnh ngày nay là một trong những kiến thức cần thiết, cơ bản nhất mà một người bác sỹ cần phải biết

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Ngọc Trung	TS	0912877762	drtrung82@gmail.com	Phụ trách
2.	Phí Trọng Hiếu	Th.S	0904365050	dr.phitronghieu@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Thái Tôn	Th.S	0937741102	drtondangthai@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Văn Hưng	Th.S	0949016368	drhungytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Nhận biết được hình ảnh X quang, siêu âm bình thường của các hệ cơ quan Hô hấp – Tim mạch, Tiết niệu, Tiêu hóa, Cơ Xương khớp	PEO 1

2.	Tham gia học đầy đủ thời lượng và thời gian theo yêu cầu bộ môn Có ý thức tự học, nghiêm túc trong kiểm tra, thi hết môn	PEO 1
3.	Đọc được các tổn thương cơ bản trên X quang của các hệ cơ quan Phân tích được một số bệnh lý hay gặp trên X quang Đọc được một số bệnh điển hình trên siêu âm	PEO 1

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1	Nhận biết được hình ảnh X quang, siêu âm bình thường của các hệ cơ quan Hô hấp – Tim mạch, Tiết niệu, Tiêu hóa, Cơ Xương khớp	H: PLO 1
2	Phát hiện được tổn thương, tư duy, phân tích và ra quyết định chẩn đoán bệnh trên phim X – quang và hình ảnh siêu âm	H: PLO 1 S: PLO 6

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp ở mức độ cao cho Chuẩn đầu ra.

5. NỘI DUNG

1. Lý thuyết.

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Chương I Đại cương chẩn đoán hình ảnh		1.Nắm được lịch sử phát triển ngành Chẩn đoán hình ảnh. 2.Nắm được các nguyên lí tạo ảnh, và dấu hiệu cơ bản trên X quang và siêu âm.	
	Bài 1. Lịch sử phát triển	1		
	Bài 2. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh, dấu hiệu cơ bản của X quang và siêu âm	2		
2	Chương II Chẩn đoán hình ảnh hệ Hô hấp		1. Mô tả được các mốc giải phẫu của hệ Hô hấp trên một số phương pháp Chẩn đoán hình ảnh (Cắt lớp vi tính, X quang), tập trung chủ yếu là X quang 2. Đánh giá	

			đặc điểm tổn thương và chẩn đoán được một số bệnh của hệ Hô hấp trên X quang	
	Bài 1. Phương pháp thăm khám chẩn đoán hình ảnh hệ Hô hấp	2		1
	Bài 2. Các hội chứng trên X quang ngực	2		2
3	Chương III Chẩn đoán hình ảnh hệ Tim mạch		1. Trình bày được vai trò, vị trí của các phương pháp CDHA đối với tim và mạch máu lớn. 2. Mô tả được các mốc giải phẫu bóng tim, mạch máu và các đường kính hữu dụng của tim trên X quang và siêu âm. 3. Đánh giá được các hình ảnh bất thường của bóng tim, các hình ảnh	

			buồng tim to trên phim X quang. 4. Đánh giá dấu hiệu trên X quang của bệnh lý tim mắc phải và tim bẩm sinh.	
	Bài 1. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh hệ Tim mạch	1		1
	Bài 2. Các dấu hiệu cơ bản của bệnh Tim	1		1
	Bài 3. Các bệnh tim thường gặp	1.5		2
	Các bệnh tim bẩm sinh thường gặp	0.5		2
4	Chương IV Chẩn đoán hình ảnh hệ Tiêu hóa và Cấp cứu bụng		1. Mô tả hình ảnh giải phẫu bình thường và đánh giá được các đặc điểm tổn thương trên X quang ổ bụng. 2. Mô tả được các triệu chứng X quang ống tiêu hóa có thuốc cản quang. 3. Phân tích và	

			chẩn đoán được một số bệnh lý cấp cứu bụng hay gặp trên X quang và siêu âm.	
	Bài 1. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh hệ Tiêu hóa	2		1
	Bài 2. Các bệnh lý cấp cứu bụng hay gặp	2		2
5	Chương V Chẩn đoán hình ảnh hệ Tiết niệu		1. Mô tả hình ảnh giải phẫu hệ tiết niệu bình thường trên X quang và siêu âm. 2. Nắm được các phương pháp chẩn đoán hình ảnh dung trong Hệ tiết niệu. 3. Đánh giá được các dấu hiệu tổn thương và chẩn đoán được một số bệnh lý của hệ tiết niệu trên X quang và siêu âm.	

	Bài 1. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh hệ Tiết niệu	2		1
	Bài 2. Một số bệnh lý hệ tiết niệu trong chẩn đoán hình ảnh	2		2
6	Chương VI Chẩn đoán hình ảnh hệ Vận động		1. Trình bày được ý nghĩa của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh hệ xương khớp. 2. Mô tả được triệu chứng học tổn thương cơ bản của các cơ quan hệ xương khớp trên X quang. 3. Mô tả được tổn thương chấn thương xương khớp trên X quang. 4. Chẩn đoán được một số bệnh nội khoa, chấn thương xương khớp. 5. Phân loại được đặc điểm	

			của u xương lành tính và ác tính.	
	Bài 1. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh hệ Vận động	1		1
	Bài 2. Các dấu hiệu tổn thương xương cơ bản	0.5		1
	Bài 3. Bệnh lý hệ vận động	2.5		2

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Các phương pháp chụp X quang Tim phổi, Tiết niệu, Hệ vận động 1. Kỹ thuật chụp 2. In phim. 3. Lưu trữ 4. Đọc kết quả	02	1. Kỹ thuật chụp 2. In phim. 3. Lưu trữ 4. Đọc kết quả	1
2	Bài 2: Phương pháp đọc phim và phát hiện tổn thương trên các phim X quang thường quy Tim phổi, Tiết niệu, Hệ vận động 1. Phát hiện tổn thương. 2. Mô tả tổn thương 3. Chẩn đoán kết luận	28	1. Phát hiện tổn thương. 2. Mô tả tổn thương 3. Chẩn đoán kết	2

			luận	
--	--	--	------	--

III. Phương pháp dạy/học.

1. Lý thuyết : Thuyết trình, thảo luận nhóm, phát vấn

2. Thực hành : Nhận biết và phân tích hình ảnh trên phim

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu, bảng phấn.

2. Thực hành: Phim mẫu các Hệ tim mạch – Hô hấp, Hệ Tiết niệu, Hệ vận độ

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)						10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)		Bài tự luận	Chấm điểm	Trả lời đúng đủ.		10
Điểm thực hành (ĐTH)		Đọc phim	Hỏi đáp	Trả lời đúng, đủ		10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)		Thi test	Trắc nghiệm khách quan	Đúng đáp án		10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/02 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/01 tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng không hoàn chỉnh	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ, đúng câu hỏi, trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

1. Tài liệu học tập: *Bài giảng chẩn đoán hình ảnh*
2. Tài liệu tham khảo: (Có tại thư viện hoặc trên internet sinh viên truy cập được)
 1. Chẩn đoán hình ảnh (dùng cho đào tạo BSĐK). Nguyễn Duy Huê - Bộ Y tế. 2009.
 2. Bài giảng chẩn đoán hình ảnh. Đại học Y Hà Nội. NXB Giáo Dục. 2005.
 3. Giải phẫu X quang (CNKTYH). Bộ Y tế. NXB Y học. 2007.
 4. X quang ngực. Nguyễn Văn Thành. NXB Y học. 2013
 5. Cẩm nang Chẩn đoán hình ảnh bệnh Hô hấp. Hoàng Minh. NXB Y học. 2006.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:?
2. Quy định điều kiện dự thi: ?

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2021	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: TIỀN LÂM SÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KỸ NĂNG TIỀN LÂM SÀNG

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Kỹ năng Tiền lâm sàng

Tên tiếng Anh: Pre-clinical Skill

Mã học phần: 3120PRECLI0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sỹ Y học dự phòng năm 3 hệ chính quy
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	04
Số tiết Lý thuyết:	0
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	100
Thảo luận:	50

Số giờ tự học:	50
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	0/1/0
Giữa học phần:	01 bài thực hành
Kết thúc học phần:	05 trạm thi OSCE
Học phần học trước:	Nội cơ sở, ngoại cơ sở, truyền thông và giáo dục sức khỏe
Học phần tiên quyết:	Tâm lý và đạo đức y tế
Học phần song hành:	Điều dưỡng
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tiền lâm sàng – Bộ môn tâm lý và đạo đức y tế

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Kỹ năng Tiền lâm sàng cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận chung về các kỹ thuật, thủ thuật và kỹ năng thăm khám cơ bản trong thực hành Y khoa. Học phần này giúp sinh viên được tiếp cận với những tình huống giao tiếp, những kỹ năng thăm khám và thủ thuật cơ bản trong chuyên ngành Nội, Ngoại, Chấn thương và Nhi khoa, được thực hành trên các mô hình, dụng cụ và người bệnh giả qua các phương pháp: đóng vai, case - study, bảng kiểm, video... qua đó sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, thái độ và kỹ năng y khoa cơ bản để tự tin hơn khi thực hành tại cộng đồng và bệnh viện.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

STT	Họ và tên	Học vị	SĐT	Email	Ghi chú
1.	Vũ Thị Loan	Thạc sĩ - BSCKI	0983710086	loannhiydtb@gmail.com	Phụ trách

2.	Nguyễn Đức Thắng	Thạc sĩ	0982091876	tlsydtb@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Đình Phát	Thạc sĩ	0984705784	phatbacs@gmail.com	Tham gia
4.	Ninh Thái Sơn	Thạc sĩ	0908484188	mrsonustb@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	0919227586	trangtt@gmail.com	Tham gia
6.	Nguyễn Diệu Thu	Bác sĩ	0369850935	dieuthunguyen161192@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Văn Thịnh	Thạc sĩ	0989187178	thinhnv6374@gmail.com	Tham gia
8.	Trần Thị Thu Hà	Thạc sĩ-BSCKII	0989535028	hatlyd@gmail.com	Tham gia
9.	Nguyễn Thị Minh Phương	Thạc sĩ	0977993710	nguyenminhphuong84@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Ứng dụng được các kỹ năng giao tiếp trong thực hành giao tiếp thầy thuốc với người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng	PEO 4,5
2.	Thực hiện đúng nguyên tắc khi thăm khám cơ bản, tim, phổi, ổ bụng và 1 số kỹ năng thăm khám Nhi khoa, Chấn thương	PEO 2
3.	Thực hiện thành thạo 1 số quy trình: vô trùng ngoại khoa, pha ORS, phun khí dung, cấp cứu	PEO 2

	ngừng hô hấp tuần hoàn trẻ em.	
--	--------------------------------	--

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Khai thác được bệnh sử, tiền sử của người bệnh chính xác, đầy đủ và áp dụng kỹ năng giao tiếp cơ bản hiệu quả trong giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp, lãnh đạo và cộng đồng	S: PLO 5,12 H: PLO 8
2.	Áp dụng được các kỹ năng thăm khám để thực hành chuyên môn	S: PLO 5,13 H: PLO 6
3.	Áp dụng được các kỹ thuật cơ bản để xử trí được một số trường hợp cấp cứu ban đầu	S: PLO 5,14 H: PLO 6

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1 : Kỹ năng giao tiếp cơ bản 4. Kỹ năng giao tiếp có lời 5. Kỹ năng giao tiếp không lời	8	1	1
2	Bài 2: Giao tiếp thầy thuốc với người bệnh và gia đình người bệnh	4	1	1

	1. Giao tiếp thầy thuốc với người bệnh tại khoa khám bệnh 2. Giao tiếp thầy thuốc với người bệnh trong thăm khám và điều trị 3. Giao tiếp thầy thuốc với gia đình người bệnh			
3	Giao tiếp thầy thuốc với cộng đồng 1. Mục đích giao tiếp 2. Kỹ năng giao tiếp với cộng đồng	4	1	1
4	Khai thác bệnh sử - tiền sử 1. Vai trò của khai thác bệnh sử, tiền sử 2. Các bước thực hiện 3. Nội dung	8	1	1
5	Thăm khám cơ bản 1. Tổ chức phòng khám 2. Chuẩn bị thầy thuốc-người bệnh 3. Các kỹ năng thăm khám cơ bản	4	1,2	1,2
6	Kỹ năng khám tim 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
7	Kỹ năng khám phổi 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
8	Kỹ năng khám bụng 1. Giới thiệu phân khu ổ bụng 2. Quy trình thực hiện khám bụng cơ bản 3. Khám 1 số cơ quan trong ổ bụng: gan,	8	1,2	1,2

	túi mật, lách, thận			
9	Khám chi trên 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
10	Khám chi dưới 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
11	Khám khung chậu, cột sống 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
12	Khám da cơ xương trẻ em 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
13	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh: dấu hiệu nguy hiểm toàn thân 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
14	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh: ho, tiêu chảy, suy dinh dưỡng, thiếu máu 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,2	1,2
15	Kỹ thuật rửa tay, mặc áo, đi găng 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện	4	1,3	1,3

	3. Thực hành nhóm nhỏ			
16	Kỹ thuật pha Oresol và các dung dịch thay thế 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,3	1,3
17	Kỹ thuật phun khí dung 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,3	1,3
18	Kỹ thuật thay băng vết thương phần mềm 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,3	1,3
19	Kỹ thuật hồi sinh tim phổi 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,3	1,3
20	Kỹ thuật vận chuyển người bệnh 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	4	1,3	1,3
21	Bất động tạm thời xương gãy 1. Giới thiệu lý thuyết 2. Quy trình thực hiện 3. Thực hành nhóm nhỏ	8	1,3	1,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Tự học

2. Thực hành:

- Thảo luận và thực hành nhóm
- Đóng vai

- Bảng kiểm
- Nghiên cứu tình huống
- Video

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Phương tiện

Máy chiếu, máy tính

2. Vật liệu dạy/học

Bảng, phấn, tranh, ảnh, video, mô hình, dụng cụ, bảng kiểm

V. Phương pháp lượng giá

Thực hành: Chạy trạm OSCE

Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

Các điểm thành phần

V. Phương pháp lượng giá

Thực hành: Chạy trạm OSCE

Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	-Vắng không lý do: không được thi - Vắng có phép hợp lệ: Trừ 0,5 điểm/2 tiết học - Đi học muộn trừ 0,5 điểm/lần (Nếu muộn >	1, 2, 3	10

				05 phút sẽ tính vắng		
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0.2	Bài kiểm tra thực hành 1 kỹ năng	Thực hành	Theo bảng kiểm	1, 2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0.7	Thi chạy trạm OSCE (5 trạm: 1 trạm giao tiếp, 2 trạm thăm khám, 2 trạm thủ thuật)	OSCE	Theo bảng kiểm	1, 2, 3	10

Công thức tính điểm: ĐHP = Đ.GHP x 0,2 + Đ.CC x 0,1 + Đ.KTHP x 0.7

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5/2 tiết

Nghỉ học không phép	Không được thi
Đi muộn	0,5

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Hoàng Năng Trọng, Vũ Thị Loan (2016), *Giáo trình kỹ năng tiền lâm sàng cơ bản*, NXB Giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo:

1. Dự án đẩy mạnh huấn luyện kỹ năng tiền lâm sàng tại 8 trường Y/Khoa Y Việt Nam (2009), “Kỹ năng y khoa cơ bản”, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2007), “Bài giảng Nhi khoa”, Nhà xuất bản Y học.
3. Trường Đại Học Y Hà nội (2014), “Bài giảng kỹ năng y khoa”, Nhà xuất bản Y học.
4. Trường Đại Học Y Phạm Ngọc Thạch (2015), “Giáo trình huấn luyện kỹ năng lâm sàng”, Nhà xuất bản Y học.
5. Trần Thị Thu Hà, Vũ Thị Loan (2015), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB giáo dục Việt Nam.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

8.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2017	Vũ Thị Loan
2.	Lần 2	05/2019	Vũ Thị Loan
3.	Lần 3	05/2021	Vũ Thị Loan
4.	Lần 4 (Dự kiến)	05/2023	
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: MÔ PHÔI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Mô Phôi

Tên tiếng Anh: Histology and Embryology

Mã học phần: 3120HISEMB0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành: Thảo luận: Số giờ tự học:	3 TC (2 LT/ 1 TH) 28 tiết 0 72 32 0 18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành:	1 1

Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sinh học di truyền, Giải phẫu, Sinh lý.....
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Sinh hóa
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Mô Phôi

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Mô phôi là một trong những môn y học cơ sở trong chương trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng. Học phần mô học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo vi thể của các mô và các hệ cơ quan trong cơ thể người từ đó giải thích, phân tích được các thay đổi bất thường trong một số bệnh thường gặp. Học phần Phôi thai học sẽ cung cấp các kiến thức đại cương về sự hình thành và phát triển của phôi thai người để từ đó sinh viên có thể giải thích được cơ chế phát sinh một số bất thường liên quan đến phôi và các thành phần phụ của phôi.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Xuân Bái	PGS. TS	0912639207	bainxytb@yahoo.com. vn	Phụ trách
2.	Phan Yến Anh	Thạc sỹ	0963634588	yenap77@gmail.com	Phụ trách
3.	Phạm Thị Nhung	Thạc sỹ	0986886577	nhungyduoctb@gmail. com	Tham gia
4.	Nguyễn Thị Hoa	Thạc sỹ	0984810960	hoabs2630@gmail.com	Tham gia
5.	Vi T. Thúy Hằng	Thạc sỹ	0919519869	Vyhangytb@gmail.co m	Tham gia
6.	Nguyễn Thị Dung	Thạc sỹ	0966167797	Dungnguyen.ytb.1610 @gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
----	-------------------	------------------------

1.	Hiểu về cấu tạo và chức năng của các mô, cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường để từ đó giải thích, phân tích được một số thay đổi bất thường trên cơ thể người.	PEO 1, 4
2.	Áp dụng được kiến thức đại cương về sự hình thành và phát triển của phôi thai người vào giải thích cơ chế phát sinh một số bất thường liên quan đến phôi và các thành phần phụ của phôi.	PEO 1, 4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	- Trình bày được cấu trúc vi thể và siêu vi thể của một số mô, cơ quan phổ biến trong cơ thể. - Giải thích được một số biến đổi bất thường về cấu trúc trong một số bệnh thường gặp. - Vận dụng kiến thức đại cương về sự hình thành và phát triển của phôi thai người vào giải thích cơ chế phát sinh một số bất thường liên quan đến phôi và các thành phần phụ của phôi.	S: PLO 1,6,11
2.	Luôn có trách nhiệm với công việc, thực hành theo y đức, đạo đức nghề nghiệp	H: PLO 12
3.	Luôn trung thực khách quan, tôn trọng giảng viên, chân thành hợp tác tốt với bạn học	H: PLO 12,13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
-----	---------	---------	------------------	-----

				HP
1	Bài 1. Biểu mô 1. Khái niệm về môn học, phương pháp nghiên cứu mô phôi. 2. Định nghĩa, nguồn gốc, chức năng của biểu mô. 3. Những tính chất của biểu mô 4. Phân loại biểu mô	2	Bài 1: Biểu Mô 1. Trình bày được những kiến thức chung của biểu mô. 2. Nhận biết được hình ảnh cấu tạo vi thể của mô biểu mô. 3. Giải thích được vai trò của một số biểu mô trong cơ thể	PLO 1,4,6
2	Bài 2. Mô liên Kết 1. Đặc điểm cấu tạo và phân loại mô liên kết. 2. Cấu tạo, phân loại mô liên kết chính thức, mô sụn, mô xương. 3. Diễn biến các giai đoạn cốt hóa trong mô xương? 4. Quá trình liền xương và phục hồi xương sau tổn thương mô xương.	4	Bài 2. Mô liên kết. 1. Trình bày được những đặc điểm chung của 3 loại mô liên kết. 2. Nhận biết được hình ảnh cấu tạo vi thể của 3 loại mô liên kết. 3. Mô tả được diễn biến các giai đoạn cốt hóa 4. Trình bày được các giai đoạn của quá trình hồi phục xương gãy và một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình liền xương	PLO 1,4,6
3	Bài 3. Mô Cơ 1. Đặc điểm chung của mô cơ 2. Cấu tạo vi thể, siêu vi thể của mô cơ vân, cơ tim và cơ trơn 3. Cơ chế co cơ.	1	1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo của mỗi loại mô cơ. 2. Nhận biết được hình ảnh cấu tạo vi thể của 3 loại mô cơ.	PLO 1,6

	4. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình co cơ.			
4	Bài 4. Mô thần kinh - Noron - Tế bào thần kinh đệm - Các loại sợi thần kinh - Synap	1	- Mô tả được đặc điểm cấu tạo và chức năng của mô thần kinh. - Giải thích được cơ chế dẫn truyền xung động thần kinh của các sợi thần kinh và synap	PLO 1,4, 6
5	Bài 5. Hệ thần kinh - Hệ tuần hoàn Hệ thần kinh - Đại não - Tiểu não - Tủy sống Hệ tuần hoàn - Mao mạch - Động mạch - Tĩnh mạch	2	- Mô tả được cấu tạo chung và mô sinh lý học của đại não, Tủy sống, tiểu não. - So sánh được cấu tạo của Tủy sống, tiểu não - Mô tả được cấu tạo chung và mô sinh lý học của mao mạch máu - So sánh được cấu tạo của thành động mạch, tĩnh mạch.	PLO 1,6
6	Bài 6. Hệ Miễn dịch - Đại cương - Nang bạch huyết - Hạch nhân - Hạch - Lách - Tuyến ức	1	- Trình bày được nguyên tắc cấu tạo chung và chức năng của hệ bạch huyết. - Trình bày được cấu tạo và chức năng của nang bạch huyết và hạch nhân - Trình bày được cấu tạo, chức năng, tuần hoàn của hạch bạch huyết và lách.	PLO 1, 6
7	Bài 7. Hệ tiêu hóa	3	1. Mô tả được cấu tạo chung	PLO

	1. Cấu tạo chung của ống tiêu hóa 2. Cấu tạo riêng của ống tiêu hóa 2.1. Thực quản 2.2. Dạ dày 2.3. Ruột non 2.4. Ruột già 2.5. Ruột thừa 3. Tuyến tiêu hóa 3.1. Gan 3.2. Tụy 3.3. Tuyến nước bọt		của ống tiêu hóa chính thức. 2. Trình bày được cấu tạo vi thể và chức năng của các đoạn: thực quản, dạ dày, tá tràng, ruột già và ruột thừa. 2. Mô tả được cấu tạo và chức năng của gan, tụy, tuyến nước bọt.	1, 4,6
8	Bài 8. Hệ tiết niệu 1. Thận 2. Đường bài xuất nước tiểu	1	1. Trình bày được cấu tạo, chức năng của các đoạn trong ống sinh niệu 2. Trình bày được cấu tạo, chức năng các đoạn của đường dẫn nước tiểu	PLO 1, 6
9	Bài 9. Nội tiết 1. Đại cương 2. Tuyến yên 3. Tuyến thượng thận 4. Tuyến giáp trạng	1	1. Trình bày được đặc điểm chung và phân loại tuyến nội tiết 2. Trình bày được cấu tạo và chức năng của tuyến yên, tuyến thượng thận, tuyến giáp	PLO 1, 6
10	Bài 10. Hô hấp 1. Phổi 2. Đường dẫn khí tới phổi	1	1. Trình bày được cấu tạo của phổi và cây phế quản. 2. Trình bày được cấu tạo và chức năng của đường dẫn	PLO 1,6

			khí trong và ngoài phổi.	
11	Bài 11. Hệ sinh dục 1. Hệ sinh dục nam 1.1. Tinh hoàn 1.2. Những đường dẫn tinh 1.3. Các tuyến phụ thuộc 2. Hệ sinh dục nữ 2.1. Buồng trứng 2.2. Đường dẫn trứng 2.3. Cơ quan sinh dục ngoài 2.4. Tuyến vú	3	1. Trình bày được cấu tạo, chức năng của tinh hoàn, đường dẫn tinh và các tuyến phụ thuộc. 2. So sánh được quá trình tạo noãn và quá trình hình thành tinh trùng. 3. Trình bày được sự hình thành, phát triển và chức năng của hoàng thể 4. Trình bày được cấu tạo, chức năng của tử cung, vòi tử cung.	PLO 1, 4,6
12	Bài 12. Sự phát triển của cá thể loài người trong tuần đầu từ thụ tinh đến giai đoạn phôi nang 1. Sự thụ tinh 2. Sự phân chia trứng thụ tinh 3. Giai đoạn phôi nang 4. Các vấn đề liên quan sự thụ tinh	02	1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo của noãn và tinh trùng trước khi thụ tinh 2. Trình bày được các giai đoạn của quá trình thụ tinh 3. Trình bày được kết quả và các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình thụ tinh 4. Trình bày được sự hình thành, cấu tạo của phôi dâu và phôi nang	PLO 1, 4,6
13	Bài 13. Sự phát triển của phôi người trong tuần thứ 2 và tuần thứ 3 1. Sự làm tổ của trứng 2. Sự phát triển của phôi	02	1. Trình bày được sự làm tổ của trứng 2. Trình bày được sự hình thành đĩa phôi 2 lá, 3 lá. 3. Trình bày được sự hình	PLO 1,4,6

	người trong tuần thứ 2 3. Sự phát triển của phôi người trong tuần thứ 3 4. Sự lớn lên của đĩa phôi 5. Sự phát triển của lá nuôi		thành khoang ối, túi noãn hoàng, trung bì ngoài phôi, dây sống. 4. Trình bày được sự hình thành, cấu tạo của phôi dâu và phôi nang	
14	Bài 14. Sự phát triển của phôi người trong tuần thứ 4 1. Sự biệt hóa của ngoại bì 2. Sự biệt hóa của nội bì 3. Sự biệt hóa của trung bì 4. Quá trình khép mình của phôi	02	1. Trình bày được sự biệt hóa của ngoại bì, nội bì và trung bì 2. Liệt kê được các cơ quan có nguồn gốc từ ngoại bì, nội bì và trung bì 3. Trình bày được quá trình khép mình của phôi.	PLO 1, 4,6
15	Bài 15. Sự phát triển các bộ phận phụ của phôi thai 1. Màng ối, khoang ối 2. Túi noãn hoàng, niệu nang, dây rốn 3. Nhau thai	02	1. Trình bày được số lượng, thành phần, vai trò của nước ối. 2. Trình bày được cấu tạo, chức năng của túi noãn hoàng, niệu nang, dây rốn 3. Trình bày được sự hình thành, cấu tạo và chức năng của nhau thai 4. Trình bày được tuần hoàn nhau thai và hàng rào nhau thai.	PLO 1,4,6

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Mô biểu mô, mô liên	4		

	kết 1. Biểu mô trụ đơn 2. Biểu mô trụ tầng 3. Biểu mô lát tầng 4. Sụn trong 5. Xương xốp 6. Xương đặc		Nhận diện được cấu trúc vi thể của mô biểu mô và mô liên kết trên tranh, ảnh và trên tiêu bản vi thể.	PLO 1, 6,11.
2	Bài 2. Hệ thần kinh, tuần hoàn, bạch huyết 1. Tủy sống 2. Tiểu não 3. Động, tĩnh mạch Cơ 4. Hạch 5. Lách	4	Nhận diện được cấu trúc vi thể của tủy sống, tiểu não, hạch, lách, động tĩnh mạch trên tranh, ảnh và trên tiêu bản vi thể.	PLO 1, 6,11,12,14
3	Bài 3. Ống tiêu hóa 1. Thực quản 2. Dạ dày 3. Tá tràng 4. Ruột già 5. Ruột thừa	4	Nhận diện được cấu trúc vi thể của ống tiêu hóa trên tranh, ảnh và trên tiêu bản vi thể.	PLO 1
4	Bài 4. Ôn tập và kiểm tra	4	Nhận diện được cấu trúc vi thể của các mô và cơ quan đã học qua tranh, ảnh và trên tiêu bản vi thể.	PLO 1, 6,11,12,14
5	Bài 5. Tuyến tiêu hóa, hệ hô	4	- Nhận diện được cấu	PLO 1,

	hấp. 1. Gan 2. Tụy 3. Tuyến nước bọt 4. Phổi		trúc vi thể của tuyến tiêu hóa và phổi trên tranh, ảnh và trên tiêu bản vi thể.	6,11,12,14
6	Bài 6. Hệ tiết niệu, nội tiết, thị giác. 1. Thận 2. Tuyến giáp trạng 3. Tuyến thượng thận 4. Mắt	4	Nhận diện được cấu trúc vi thể của thận, tuyến giáp trạng, tuyến thượng thận, mắt trên tranh, ảnh và trên tiêu bản vi thể.	PLO 1, 6,11,12,14
7	Bài 7. Hệ sinh dục, rau thai 1. Tinh hoàn 2. Buồng trứng 3. Rau thai trước 4 tháng 4. Rau thai đến kỳ hạn đẻ	4	Nhận diện được cấu trúc vi thể của tinh hoàn, buồng trứng, rau thai trên tranh, ảnh và trên tiêu bản vi thể.	PLO 1, 6,11,12,14
8	Bài 8. Thi thực hành	4		PLO 1, 6,11,12

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Học tại giảng đường
 - Thuyết trình
 - Câu hỏi ngắn
 - Thảo luận nhóm
2. Thực hành: Học tại phòng thực tập của bộ môn
 - Quan sát tiêu bản mẫu trên tranh, ảnh và trên các tiêu bản vi thể
 - Tự quan sát tiêu bản mô học trên kính hiển vi cá nhân
 - Thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Máy tính, máy chiếu Projector, phần bảng, tranh vi thể tiêu bản mô học, kính hiển vi truyền ảnh, kính hiển vi quang học

1. Lý thuyết:

- Máy chiếu Projector
- Phần bảng
- Câu hỏi ngắn
- Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

2. Thực hành

- Kính hiển vi truyền ảnh, KHV quang học, tranh ảnh và tiêu bản mô học.
- Số bài kiểm tra: 01

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

1. Lý thuyết

Thi tự luận qua câu hỏi ngắn

2. Thực hành

Kiểm tra chạy trạm

- Các điểm thành phần

Điểm lý thuyết:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 11,12,14	10

Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	Kiểm tra câu hỏi ngắn	Thi viết	Kết quả bài kiểm tra so với đáp án	PLO 1	10
Điểm thực hành (ĐTH)	20%	Kiểm tra chạy trạm	Kiểm tra chạy trạm	Kết quả bài kiểm tra so với đáp án	PLO 1	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	60%	Thi câu hỏi ngắn	Thi viết tự luận	Kết quả bài thi so với đáp án	PLO 1	10

Công thức tính điểm:

$$\text{ĐHP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,6$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/lần
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết
Đi muộn 15 phút	0,5 điểm/lần
Đi muộn 30 phút = Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), *Giáo trình Mô học và phối thai học đại cương*, Nhà xuất bản giáo dục.

2. **Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014)**, *Bài giảng thực hành Mô học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Tài liệu tham khảo

1. **Bộ môn Mô Phôi, Đại học Y Hà Nội (2013)**. *Mô Phôi phần Mô học*, NXB Y học

2. **Đỗ Kính, Đại học Y Hà Nội (2008)**, *Phôi thai học thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng*, NXB Y học..

3. **Học viện Quân Y (2006)**, *Mô học*, NXB Quân đội Nhân dân

4. **Trần Công Toại (2016)**, *Mô học*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập chung.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết trên lớp (20% nghỉ phải có lý do) và 100 % số buổi học thực hành

- Đi học đúng và đủ giờ, tham gia tích cực và đầy đủ buổi học thực hành, có ý thức xây dựng bài, chăm chú nghe giảng

- Khi đi thực hành: có mặt tại phòng TH đúng giờ, quan sát và thực hành theo sự chỉ dẫn và phân công của thầy cô bộ môn.

2. Quy định điều kiện dự thi:

* Dự thi lý thuyết:

- Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số buổi lý thuyết (20% nghỉ phải có lý do)

- Điểm chuyên cần ≥ 5 điểm

- Điểm giữa học phần ≥ 4 điểm

* Dự thi thực hành:

- Sinh viên phải tham gia 100% buổi học thực hành

- Điểm chuyên cần ≥ 5 điểm

- Điểm giữa học phần ≥ 4 điểm

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	ThS Phan Yến Anh

2.	Lần 2	05/2021	ThS Phan Yên Anh
3.	Dự kiến	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH
BỘ MÔN: GIẢI PHẪU BỆNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Giải phẫu bệnh

Tên tiếng Anh: Pathology

Mã học phần: 3120PATHOL0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

II. HÀNH CHÍNH

3. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sỹ Y học dự phòng năm 2
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): - Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: - Số tiết Thực hành: Thảo luận: Số giờ tự học:	2 20 30 28 22
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): - Giữa học phần: - Kết thúc học phần:	1 bài lý thuyết 1 bài lý thuyết - 1 bài thực hành

Học phần học trước:	Giải phẫu, mô phôi, sinh lý, sinh lý bệnh - miễn dịch
Học phần tiên quyết:	Giải phẫu, Mô phôi
Học phần song hành:	Dược lý
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Giải phẫu bệnh

4. Mô tả chung về học phần

2.1. Lý thuyết

Học phần Giải phẫu bệnh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổn thương tế bào và mô trong các bệnh lý do rối loạn tuần hoàn, khối u và viêm; từ đó liên hệ lâm sàng để tìm hiểu cơ chế bệnh sinh, góp phần nâng cao chất lượng chẩn đoán, phòng và điều trị một số bệnh lý thường gặp.

2.2. Thực hành

Học phần này hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng nhận diện được tổn thương giải phẫu bệnh một số bệnh lý thường gặp của hệ cơ quan.

5. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Lương Khắc Hiến	BSCCKII	0943034626	luongkhachien@gmail.com	Phụ trách
2	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thạc sĩ	0948034886	nguyenthanhhaytb@gmail.com	Tham gia
3	Dương Thị Lan Thu	Thạc sĩ	0946883973	lanthu0505@gmail.com	
4	Đinh Thị Huyền Trang	Thạc sĩ	0902019776	huyentrangydtb@gmail.com	
5	Trần Mạnh Hà	Tiến sĩ	0936432668	manhha.tbmu@gmail.com	
6	Nguyễn Thị Hằng	KTV	0915773609	hangnt@gmail.com	
7	Phạm Quang Trịnh	KTV	0943253279	trinhpq@tbump.edu.vn	

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Kiến thức - Vận dụng được các kiến thức giải phẫu	PEO 1, 2

	bệnh đại cương để giải thích tổn thương tế bào và mô trong các bệnh lý thường gặp do rối loạn tuần hoàn, khối u và viêm. - Liên hệ được tổn thương giải phẫu bệnh với lâm sàng một số bệnh lý thường gặp của hệ cơ quan (tiêu hóa, hô hấp, sinh dục sinh sản, tim mạch, nội tiết và da).	
2.	Thái độ - Tham dự đầy đủ các buổi học, chuẩn bị bài và hoàn thành các bài tập được giao trước khi đến lớp. - Tham gia tích cực và chủ động các hoạt động học tập theo nhóm. - Chấp hành mọi nội qui, qui chế của nhà trường và bộ môn.	PEO 3, 4
3.	Kỹ năng Nhận diện được tổn thương giải phẫu bệnh một số bệnh lý thường gặp của hệ cơ quan.	PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Phân tích, giải thích cơ chế bệnh sinh và nhận định được hình ảnh đại thể, vi thể một số bệnh lý thường gặp.	S: PLO 1 H: PLO 2, 3
2.	Vận dụng các kiến thức cơ bản về giải phẫu bệnh (hình ảnh đại thể và vi thể) để chẩn đoán các bệnh lý thường gặp.	S: PLO 6, 8 H: PLO 4, 5, 7, 9
3.	Liên hệ được tổn thương giải phẫu bệnh với	S: PLO 10, 11

	các biểu hiện trên lâm sàng một số bệnh lý thường gặp.	H: PLO 12, 13, 14
--	--	-------------------

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

III. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	ĐẠI CƯƠNG GIẢI PHẪU BỆNH 1. Định nghĩa 2. Quá trình phát triển của giải phẫu bệnh học 3. Nội dung của môn giải phẫu bệnh học 4. Đối tượng và vật liệu nghiên cứu của giải phẫu bệnh 5. Phương pháp của môn giải phẫu bệnh học 6. Đặc điểm của giải phẫu bệnh học 7. Chức năng, nhiệm vụ của giải phẫu bệnh học	2	1. Trình bày được nội dung, phương pháp của môn Giải phẫu bệnh. 2. Phân tích được các đặc điểm của môn Giải phẫu bệnh.	1, 2
2	RỐI LOẠN TUẦN HOÀN 1. Sung huyết 2. Chảy máu 3. Tắc mạch 4. Huyết khối 5. Nhồi máu 6. Phù 7. Sốc	2	1. Trình bày được các tổn thương giải phẫu bệnh gặp trong một số hiện tượng rối loạn tuần hoàn. 2. Phân tích cơ chế bệnh sinh của một số hiện tượng rối loạn tuần hoàn.	1, 2
3	BỆNH HỌC VIÊM 1. Đại cương về viêm	2	1. Mô tả được các hiện tượng xảy ra trong quá	2, 3

	2. Các giai đoạn của viêm 3. Phân loại viêm và điều kiện hàn gắn tổn thương		trình viêm 2. Giải thích được cơ chế của các hiện tượng trên. 3. Phân tích các điều kiện hàn gắn tổn thương	
4	VIÊM ĐẶC HIỆU 1. Viêm lao 2. Viêm giang mai	1	1. Trình bày được tổn thương giải phẫu bệnh của viêm lao và viêm giang mai. 2. Nhận biết được hình ảnh vi thể của nang lao và nang giang mai	2, 3
5	KHỐI U 1. Đại cương 2. Đặc điểm của u 3. Cấu tạo u 4. Phân loại u 5. Danh pháp khối u 6. Tiến triển của u 7. Các phương pháp chẩn đoán	1	1. Mô tả được các đặc điểm và cấu tạo của khối u. 2. Trình bày nguyên tắc đặt tên khối u theo danh pháp quốc tế. 3. Trình bày được các tiến triển và phương pháp chẩn đoán của khối u. 4. So sánh được sự khác biệt giữa khối u và viêm.	1, 2
6	UNG THƯ 1. Đại cương 2. Đại thể 3. Vi thể 4. Tiến triển 5. Các phương pháp chẩn đoán, tiên lượng và điều trị ung thư	2	1. Trình bày được đặc điểm đại thể và vi thể của ung thư. 2. Vận dụng được kiến thức về đặc điểm của tế bào và tổ chức ung thư để giải thích tiến triển và nguyên tắc điều trị ung thư	2, 3

7	BỆNH HỌC GAN 1. Đại cương 2. Xơ gan 3. Ung thư biểu mô gan nguyên phát	2	1. Mô tả được tổn thương giải phẫu bệnh của xơ gan, ung thư biểu mô gan nguyên phát 2. Liên hệ được tổn thương giải phẫu bệnh với lâm sàng của bệnh xơ gan, ung thư biểu mô gan nguyên phát	2, 3
8	BỆNH DẠ DÀY 1. Loét dạ dày 2. Ung thư dạ dày	1	1. Mô tả tổn thương giải phẫu bệnh của loét dạ dày, ung thư dạ dày. 2. Liên hệ được tổn thương giải phẫu bệnh với lâm sàng của loét dạ dày, ung thư dạ dày.	2, 3
9	BỆNH TIM MẠCH 1. Thấp tim 2. Xơ vữa động mạch	1	1. Trình bày được tổn thương giải phẫu bệnh của thấp tim cấp, xơ vữa động mạch. 2. Liên hệ được tổn thương giải phẫu bệnh với lâm sàng của xơ vữa động mạch.	2, 3
10	BỆNH CƠ QUAN TẠO HUYẾT 1. Đại cương 2. U lympho ác tính không Hodgkin 3. Bệnh Hodgkin	1	1. Trình bày được tổn thương giải phẫu bệnh của u lympho ác tính không Hodgkin và bệnh Hodgkin. 2. Liên hệ được tổn thương giải phẫu bệnh với lâm	2, 3

			sàng của bệnh Hodgkin.	
11	BỆNH CỦA PHỔI 1. Tổn thương cơ bản 2. Viêm phổi thùy 3. Viêm phế quản phổi 4. Ung thư phổi	2	1. Mô tả được các tổn thương cơ bản của khí - phế quản và phế nang. 2. Trình bày được tổn thương giải phẫu bệnh của viêm phổi thùy, viêm phế quản phổi và ung thư phổi. 3. Liên hệ được tổn thương giải phẫu bệnh - lâm sàng của viêm phổi thùy, viêm phế quản phổi và ung thư phổi.	
12	BỆNH LÝ CỔ TỬ CUNG 1. Đại cương 2. Viêm cổ tử cung 3. Ung thư cổ tử cung	1	1. Trình bày được một số tổn thương giải phẫu bệnh của bệnh lý cổ tử cung. 2. Liên hệ được các tổn thương giải phẫu bệnh của bệnh lý cổ tử cung với lâm sàng.	2, 3
13	BỆNH TẾ BÀO NUÔI 1. Đại cương 2. Chửa trứng lành tính 3. Chửa trứng ác tính 4. Ung thư tế bào nuôi	1	1. Trình bày được các tổn thương giải phẫu bệnh của bệnh lý tế bào nuôi. 2. Liên hệ các tổn thương giải phẫu bệnh - lâm sàng của bệnh lý tế bào nuôi	2, 3
14	KIỂM TRA	1		
	TỔNG CỘNG	20		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	NHẬN DIỆN MỘT SỐ BỆNH LÝ TUYẾN TIÊU HÓA 1. Đại thể - Gan thoái hóa mỡ - Xơ gan - Ung thư gan nguyên phát 2. Vi thể - Gan thoái hóa mỡ - Ung thư biểu mô tế bào gan	4	1. Mô tả và chỉ được tổn thương đại thể của bệnh gan thoái hóa mỡ, xơ gan và ung thư biểu mô tế bào gan. 2. Nêu và chỉ được các tiêu chuẩn chẩn đoán gan thoái hóa mỡ và ung thư biểu mô tế bào gan.	1, 2
2	NHẬN DIỆN MỘT SỐ BỆNH LÝ ÓNG TIÊU HÓA 1. Đại thể - Ung thư dạ dày - Ung thư đại tràng 2. Vi thể - Viêm ruột thừa cấp - Ung thư dạ dày - Ung thư đại tràng	4	1. Mô tả và chỉ được các tổn thương đại thể ung thư dạ dày và ung thư đại tràng. 2. Nêu và chỉ được các tiêu chuẩn chẩn đoán viêm ruột thừa cấp, ung thư dạ dày và ung thư đại tràng.	1, 2
3	NHẬN DIỆN MỘT SỐ BỆNH LÝ HỆ HÔ HẤP 1. Đại thể - Lao xơ hang - Ung thư phổi nguyên phát 2. Vi thể - Viêm lao - Ung thư biểu mô tế bào vảy - Ung thư biểu mô tuyến	4	1. Mô tả và chỉ được tổn thương đại thể của lao xơ hang, ung thư phổi nguyên phát. 2. Nêu và chỉ được các tiêu chuẩn chẩn đoán của viêm lao, ung thư biểu mô tế bào vảy và ung thư biểu mô tuyến phế quản.	1, 2
4	NHẬN DIỆN MỘT SỐ BỆNH LÝ HỆ SINH SẢN 1	4	1. Mô tả và chỉ được tổn thương đại thể của u nang	1, 2

	1. Đại thể - U nang bì buồng trứng - U xơ cơ tử cung 2. Vi thể - U xơ tuyến vú lành tính - Ung thư biểu mô tuyến vú - U nang bì buồng trứng		bì buồng trứng và u xơ cơ tử cung. 2. Nêu và chỉ được các tiêu chuẩn chẩn đoán của u xơ tuyến vú lành tính, ung thư biểu mô tuyến vú và nang bì buồng trứng.	
5	NHẬN DIỆN MỘT SỐ BỆNH LÝ HỆ SINH SẢN 2 1. Đại thể - Chửa trứng lành tính - Chửa trứng ác tính - Ung thư biểu mô tế bào nuôi 2. Vi thể - Chửa trứng lành tính - Ung thư biểu mô tế bào nuôi	4	1. Mô tả và chỉ được tổn thương đại thể của chửa trứng lành tính, chửa trứng ác tính và ung thư biểu mô tế bào nuôi. 2. Nêu và chỉ được các tiêu chuẩn chẩn đoán của chửa trứng lành tính, ung thư biểu mô tế bào nuôi.	1, 2
6	NHẬN DIỆN MỘT SỐ BỆNH LÝ HỆ NỘI TIẾT - Viêm tuyến giáp bán cấp - Viêm tuyến giáp mãn tính Hashimoto - Bướu giáp keo lành tính - U tuyến giáp lành tính - Ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú	4	Nêu và chỉ được các tiêu chuẩn chẩn đoán của viêm tuyến giáp bán cấp, viêm tuyến giáp mãn tính Hashimoto, bướu giáp keo lành tính, u tuyến giáp lành tính và ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú.	1, 2
7	NHẬN DIỆN MỘT SỐ BỆNH LÝ CỦA DA - Viêm da - U mầm lông - U sắc tố lành tính	4	Nêu và chỉ được các tiêu chuẩn chẩn đoán của viêm da, u mầm lông, u sắc tố lành tính, ung thư biểu mô tế bào đáy, ung thư biểu	1, 2

	- Ung thư biểu mô tế bào đáy - Ung thư biểu mô tế bào vảy		mô tế bào vảy.	
	TỔNG CỘNG	28		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

1.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm

1.2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên theo dõi, đánh dấu từng mục tự học tương ứng với từng bài giảng trong chương trình để áp dụng làm bài tập.
- Tham khảo tài liệu, chia nhóm thảo luận (chủ đề do cán bộ giảng phụ trách gợi ý viết, số chuyên đề phụ thuộc vào số lượng sinh viên của từng khóa học). Giảng viên kiểm tra đánh giá quá trình tự học của sinh viên thông qua các bài tập của sinh viên trong quá trình học

2. Thực hành

2.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình trên bệnh phẩm đại thể.
- Trình chiếu hình ảnh vi thể qua projector.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm

2.2. Phương pháp học

- Quan sát và thảo luận thông qua hình ảnh đại thể, vi thể của từng bệnh lý cụ thể.
- Tìm các tổn thương theo yêu cầu bài học trên tiêu bản mẫu qua soi kính hiển vi quang học.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

Handout, PowerPoint, máy tính, máy chiếu, phấn bảng...

2. Thực hành:

Handout, PowerPoint, máy tính, máy chiếu, phấn bảng, kính hiển vi, tiêu bản mẫu...

V. Phương pháp lượng giá**1. Lý thuyết:**

Số bài kiểm tra giữa học phần: 01

Thi trắc nghiệm khách quan hoặc thi viết cải tiến.

2. Thực hành:

Vấn đáp

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0.1	Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	- Vắng không lý do: Trừ 0,5 điểm/tiết học - Vắng có phép hợp lệ: Trừ 0,5 điểm/tiết học - Đi học muộn Trừ 0,5 điểm//lần (Nếu muộn > 15 phút sẽ tính vắng không lý do)	1, 2, 3	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm 1 tiết	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2	10

Điểm thực hành (ĐTH)	0.2	Bài kiểm tra 30 phút	Vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0.6	Bài thi 60 phút, tổ hợp từ ngân hàng đề (4 câu hỏi: 1 câu mức nhớ, 2 câu mức hiểu, 1 câu mức áp dụng)	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm thống nhất chung	1, 2, 3	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm học phần} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,6$$

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Trường Đại học Y dược Thái Bình (2015), *Bài giảng Giải phẫu bệnh học*, Nhà xuất bản Y học Việt Nam.

- Trường Đại học Y dược Thái Bình (2015), *Hướng dẫn thực hành Giải phẫu bệnh*, Nhà xuất bản Y học Việt Nam.

2. Tài liệu tham khảo

- **Trần Phương Hạnh, Nguyễn Sào Trung (2009)**, *Giải phẫu bệnh học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- **Nguyễn Vượng (2007)**, *Giải phẫu bệnh học*, Nhà xuất bản Y học.

Article I. VII. Lịch học

Article II. Theo lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định đối với sinh viên

1. *Nhiệm vụ của sinh viên*

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

2. *Quy định về điều kiện dự thi*

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2017	Lương Khắc Hiến
2.	Lần 2	05/2019	Lương Khắc Hiến
3.	Lần 3	05/2021	Lương Khắc Hiến
4.	Lần 4 (Dự kiến)	05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

